

Số: /BC-UBTCNS
DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO

Phương án giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo Luật, một số vấn đề lớn của Dự án Luật Giá (sửa đổi)

Kính gửi: Các vị Đại biểu Quốc hội,

Tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội đã thảo luận và cho ý kiến về dự án Luật Giá (sửa đổi). Trên cơ sở ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội (ĐBQH), Thường trực Ủy ban Tài chính, Ngân sách (TCNS) đã phối hợp với Cơ quan soạn thảo để thống nhất định hướng giải trình, tiếp thu ý kiến các vị ĐBQH đối với Dự án Luật này và chỉnh lý, hoàn thiện Dự thảo Luật. Ngày 15/3/2023, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã họp và cho ý kiến về các nội dung lớn, nội dung còn ý kiến khác nhau của dự thảo Luật Giá (sửa đổi). Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban TCNS đã tiếp tục phối hợp với Cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình, tiếp thu và chỉnh lý hoàn thiện dự thảo luật để gửi lấy ý kiến tại Hội nghị ĐBQH hoạt động chuyên trách ngày 06/4/2023.

Trên cơ sở tổng hợp tất cả ý kiến của các vị ĐBQH tại các phiên họp, Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo các vị ĐBQH dự thảo phương án giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo Luật; đến nay dự thảo luật đã không còn ý kiến khác nhau; Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo các ĐBQH một số vấn đề lớn và các nội dung chỉnh lý cụ thể tại Dự án Luật Giá (sửa đổi) như sau:

I. NHỮNG NHÓM NỘI DUNG LỚN ĐƯỢC ĐẠI BIỂU QUAN TÂM

So với bản dự thảo trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 4 (sau đây gọi tắt là *dự thảo kỳ 4*), sau khi tiếp thu, chỉnh lý, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung các nội dung tại các Điều, khoản, Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo đã thống nhất: (1) Bỏ 03 Điều¹; (2) Bổ sung 05 Điều²; (3) Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung 14 nội dung của các Luật có liên quan³ tại dự thảo luật trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 5 (sau đây gọi tắt là *dự thảo kỳ 5*); (4) Bổ sung thêm Phụ lục số 1 quy định Danh mục các hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá; (5) Từng điều khoản đã được hoàn chỉnh về kỹ thuật lập pháp.

1. Về quan điểm, mục tiêu sửa đổi Luật

Nhiều ý kiến đề nghị việc sửa đổi Luật bảo đảm tính hiệu quả, khả thi, khắc phục vướng mắc, xác định rõ sự điều tiết của Nhà nước, tạo sự minh bạch trong quản lý nhà nước về giá, xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có thẩm

¹ Điều 16, Điều 18, Điều 22 tại dự thảo kỳ 4

² Điều 43, Điều 62, Điều 64, Điều 71, Điều 72 tại dự thảo kỳ 5

³ Điều 72 dự thảo kỳ 5

quyền; bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, phù hợp với thông lệ quốc tế. Một số ý kiến đề nghị nghiên cứu, thể hiện rõ hơn yếu tố thị trường trong dự thảo Luật.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Thứ nhất, Luật Giá 2012 có hiệu lực thi hành từ 01/1/2013 đến nay đã qua 10 năm thi hành và trong thời gian này đã có một số luật chuyên ngành ban hành sau có những quy định liên quan đến lĩnh vực quản lý giá của Nhà nước chưa tương thích với Luật hiện hành nên dẫn đến sự trùng lặp, chồng chéo, việc phân công, phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm tại một số nội dung còn chưa rõ, thiếu đồng bộ với chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực. Do vậy, việc sửa đổi Luật cần khắc phục vướng mắc, bảo đảm khả thi, xác định rõ sự điều tiết của Nhà nước, tạo sự minh bạch trong quản lý nhà nước về giá, xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế. Trên cơ sở đó, Cơ quan thẩm tra đã phối hợp chặt chẽ với Cơ quan soạn thảo để rà soát, chỉnh lý Dự thảo Luật nhằm tăng cường tính đồng bộ trong hệ thống pháp luật về giá, bảo đảm thể hiện tối đa quan điểm, mục tiêu nêu trên.

Thứ hai, về yếu tố thị trường trong dự thảo Luật đã được chỉnh lý, hoàn thiện để thể hiện rõ hơn nữa nguyên tắc thị trường trong công tác quản lý giá như tại khoản 1 Điều 5 về nguyên tắc quản lý, điều tiết giá của Nhà nước “*Nhà nước quản lý, điều tiết giá theo cơ chế thị trường phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ; bảo đảm công khai, minh bạch, tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật*”; khoản 1 Điều 22 dự thảo kỳ 5 về nguyên tắc định giá của Nhà nước “*Bảo đảm bù đắp chi phí sản xuất, kinh doanh thực tế hợp lý; tích lũy theo quy định của pháp luật hoặc lợi nhuận dự kiến (nếu có) phù hợp với mặt bằng thị trường, cung cầu hàng hóa, dịch vụ và chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ*”. Đồng thời, tại Điều 8 đã quy định rõ quyền của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong việc tự định giá hàng hóa, dịch vụ của mình⁴.

2. Về tên gọi của Luật

Có ý kiến đề nghị tên gọi của Luật là Luật Bình ổn giá; Luật Quản lý giá; Luật Kiểm soát giá.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Tên gọi của Luật là được kế thừa Luật Giá hiện hành, đã được thảo luận, cân nhắc kỹ và tiếp tục lựa chọn tên Luật Giá nhằm bảo đảm tính bao quát cả lĩnh vực quản lý nhà nước về giá cũng như hoạt động của tổ chức, cá nhân

⁴ Khoản 1, 2, 3 Điều 8: “1. Tự định giá và điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh, trừ hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá cụ thể. Được tham khảo, áp dụng nguyên tắc, căn cứ, phương pháp định giá do Nhà nước quy định để định giá hàng hóa, dịch vụ.

2. Định giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh theo khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Tự định giá hàng hóa, dịch vụ do mình kinh doanh trên cơ sở căn cứ giá tham chiếu được công bố.”

trong lĩnh vực giá trên thị trường. Nếu dùng từ “quản lý” hoặc “kiểm soát giá” trong lĩnh vực giá dễ dẫn đến sự hiểu lầm (nhất là các tổ chức quốc tế) về chủ trương của Đảng và Nhà nước trong thúc đẩy cơ chế giá theo thị trường; trong khi Luật Giá được Quốc hội ban hành cũng bao hàm nội dung về quản lý, điều chỉnh hành vi, hoạt động của các chủ thể trong lĩnh vực giá. Nếu dùng từ “bình ổn giá” thì có thể sẽ làm hẹp phạm vi điều chỉnh của Luật vì có nhiều vấn đề khác từ định giá của Nhà nước, niêm yết giá, kê khai giá, hiệp thương giá, thẩm định giá được quy định điều chỉnh tại Luật. Vì vậy, xin cho tiếp tục kế thừa và giữ tên gọi của luật là “Luật Giá”.

3. Về áp dụng pháp luật

Một số ý kiến cho rằng cần quy định rõ ràng, tránh trùng lặp hoặc xung đột với các luật có liên quan, trong đó có Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Luật Đất đai, Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp để bảo đảm sự tương thích.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Thứ nhất, đối với việc rà soát Luật Giá với các luật có liên quan, trong quá trình xây dựng luật, Cơ quan soạn thảo đã phối hợp với các Bộ, ngành đã rà soát các luật hiện hành, hiện có 19 luật có quy định về giá; các quy định về giá được quy định tại Luật Giá và cả các luật chuyên ngành đã dẫn đến trùng lặp, chồng chéo về một số quy định như Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, nguyên tắc, phương pháp định giá, quy trình định giá... Do đó, để khắc phục những chồng chéo giữa các Luật chuyên ngành, tăng cường tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật về giá, về cơ bản Luật Giá (sửa đổi) sẽ điều chỉnh toàn diện những vấn đề về giá; quy định thống nhất Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá gắn với thẩm quyền, trách nhiệm, hình thức định giá. Đối với một số mặt hàng đặc thù thì sẽ quy định rõ những vấn đề thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành.

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, Cơ quan thẩm tra đã phối hợp với Cơ quan soạn thảo và các cơ quan liên quan rà soát, chỉnh lý Điều 3 nhằm bảo đảm bao quát, phù hợp với các quy định pháp luật liên quan nhằm tăng cường tính thống nhất về mặt nguyên tắc trong quản lý giá đối với cả các đạo luật được ban hành trước, ban hành sau Luật Giá và vẫn bảo đảm các nguyên tắc của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁵. Đối với một số lĩnh vực đặc thù như đất đai, sở hữu trí tuệ, điện, học phí, dịch vụ giáo dục, dịch vụ khám chữa bệnh, Dự thảo Luật đã quy định theo hướng thực hiện theo quy định pháp luật về từng lĩnh vực và nội dung này được chỉnh lý tại khoản 4 Điều 3 dự thảo kỳ 5⁶. Nội dung này đã được

⁵ Khoản 2, khoản 3 Điều 3 dự thảo kỳ 5 quy định: “1. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Giá và luật khác được ban hành trước ngày Luật Giá có hiệu lực thì thực hiện theo Luật Giá.

2. Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật Giá có hiệu lực thì hành cần quy định đặc thù về quản lý, điều tiết giá khác với quy định tại Luật Giá thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật Giá, nội dung thực hiện theo quy định của luật khác đó.”

⁶ Khoản 4 Điều 3 dự thảo kỳ 5: “4. Việc định giá của Nhà nước đối với một số mặt hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan như sau:

a) Giá đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Giá điện được thực hiện theo quy định của pháp luật về điện lực;

Thường trực Ủy ban Pháp luật góp ý và Thường trực Ủy ban TCNS cùng Cơ quan soạn thảo đã thống nhất tiếp thu toàn bộ ý kiến của Thường trực Ủy ban Pháp luật.

Thứ hai, đối với Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp đã quy định về các trường hợp chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp⁷ và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ cũng đã hướng dẫn nội dung này⁸, theo đó, quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP của Chính phủ thì khi chuyển nhượng vốn nhà nước tại doanh nghiệp phải xác định giá khởi điểm để đấu giá. Việc xác định giá khởi điểm để phục vụ đấu giá là trách nhiệm của các doanh nghiệp; các doanh nghiệp có thể thuê các doanh nghiệp thẩm định giá để thực hiện tư vấn xác định giá. Trên cơ sở kết quả tư vấn của doanh nghiệp thẩm định giá thì đơn vị chuyển nhượng vốn phải ra quyết định về giá cụ thể để làm giá khởi điểm phục vụ đấu giá.

Tuy nhiên, để bảo đảm tính cụ thể, rõ ràng, tiếp thu ý kiến ĐBQH, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo đã thống nhất chỉnh sửa Điều 59 dự thảo kỳ 5 về hoạt động thẩm định giá của Nhà nước, theo đó: (i) chỉ điều chỉnh cơ chế, hoạt động thẩm định giá khi có phát sinh theo nhu cầu (có nghĩa là khi các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định giá để phục vụ các hoạt động của mình theo quy định của pháp luật thì sẽ thực hiện các hoạt động thẩm định giá theo quy định của Luật Giá) mà không quy định về các trường hợp phải thẩm định giá của Nhà nước và không phát sinh mâu thuẫn với các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp⁹; (ii) dự thảo Luật không quy định bắt buộc phải thẩm định giá của Nhà nước, nhưng nếu thực hiện thẩm định thì phải tuân thủ quy định tại Luật Giá để đảm bảo thống nhất trong tổ chức

c) Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh được thực hiện theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;

d) Học phí, giá dịch vụ giáo dục được thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp;

đ) Tiền bản quyền khi khai thác, sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan được thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.”

⁷ Điểm c khoản 2 Điều 31 Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 quy định về chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp như sau: “*c) Việc chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán thì thực hiện đấu giá công khai. Trường hợp đấu giá công khai không thành công thì thực hiện chào bán cạnh tranh. Trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện theo phương thức thỏa thuận*”

Điểm c khoản 2 Điều 38 Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 quy định chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên như sau: “*c) Việc chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán thực hiện đấu giá công khai. Trường hợp đấu giá công khai không thành công thì thực hiện chào bán cạnh tranh. Trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện theo phương thức thỏa thuận*”

⁸ Điểm d khoản 15 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật số 69/2014/QH13 quy định: “*Việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn: Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ lựa chọn ký hợp đồng thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về giá và thẩm định giá. Tổ chức có chức năng thẩm định giá được lựa chọn các phương pháp định giá thích hợp theo quy định của pháp luật giá và thẩm định giá để xác định giá khởi điểm; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định giá*”

⁹ Điều 59 dự thảo kỳ 5:

“1. Thẩm định giá của Nhà nước được thực hiện trong trường hợp pháp luật quy định sử dụng phương thức thẩm định giá của Nhà nước làm một trong các cơ sở để người có thẩm quyền xem xét quyết định hoặc phê duyệt giá.

2. Người có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc phê duyệt giá theo quy định của khoản 1 Điều này thành lập Hội đồng thẩm định giá để thực hiện thẩm định giá của nhà nước.

3. Hoạt động thẩm định giá của Nhà nước không áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Luật này.”

thực hiện.

4. Về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan

Nhiều ý kiến ĐBQH cho rằng, cần đẩy mạnh hơn phân quyền cho các cơ quan, các cấp; bảo đảm tính đồng bộ với chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực, tính thống nhất trong quản lý nhà nước, hạn chế giao Chính phủ hướng dẫn.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

*Thứ nhất, về trách nhiệm, theo Luật Giá hiện hành, việc phân công nhiệm vụ giữa các Bộ, ngành; giữa cơ quan trung ương với địa phương; giữa các Sở, ngành ở địa phương còn một số nội dung chưa thống nhất, nhiều đầu mối, quy trình thực hiện chưa gắn với trách nhiệm, khi phát sinh vướng mắc thường khó xác định trách nhiệm. Vì vậy, Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, làm rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức trong Dự thảo Luật, cụ thể tại Chương III: “**Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về giá**” đã quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh; bỏ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân (HĐND) cấp tỉnh. Các nội dung sửa đổi thể hiện từ Điều 12 đến Điều 16 trong dự thảo kỳ 5. Đồng thời, tại Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá ban hành kèm theo Luật đã quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, hình thức định giá đối với từng mặt hàng cụ thể.*

Thứ hai, về việc cụ thể hóa các điều khoản, hạn chế giao Chính phủ hướng dẫn, Thường trực Ủy ban TCNS đã phối hợp với Cơ quan soạn thảo rà soát kỹ Dự thảo Luật, theo đó chỉ giao Chính phủ quy định chi tiết những nội dung về kỹ thuật, trong thực hiện sẽ có thể phải điều chỉnh phù hợp thực tiễn như trình tự, thủ tục điều chỉnh danh mục định giá, bình ổn giá, phương pháp định giá, tiêu chuẩn thẩm định giá, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về giá... So với Dự thảo Luật đã trình Quốc hội, Dự thảo Luật lần này đã giảm nội dung giao Chính phủ quy định (còn 12 nội dung¹⁰ so với 13 nội dung tại dự thảo kỳ 4). Các nội dung còn lại xin được giữ và quy định chi tiết về tổ chức thực hiện tại Nghị định của Chính phủ.

5. Về bình ổn giá

5.1. Đa số ý kiến đề nghị giữ như quy định của Luật hiện hành, theo đó cần quy định rõ mặt hàng bình ổn giá trong Luật, trường hợp cần điều chỉnh, giao UBND xem xét, quyết định. Một số ý kiến đề nghị giao Chính phủ quy định về danh mục hàng hóa bình ổn giá.

Tiếp thu ý kiến đa số, Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

(1) Giá là vấn đề ảnh hưởng, tác động trực tiếp đến từng người dân, doanh nghiệp, liên quan ổn định thị trường, do đó cần được quy định cụ thể trong Luật

¹⁰ Khoản 3 Điều 17; khoản 4 Điều 20; khoản 5 Điều 21; khoản 3 Điều 24; khoản 6 Điều 28; khoản 4 Điều 29; khoản 3 Điều 30; khoản 4 Điều 38; khoản 4 Điều 45; khoản 3 Điều 49; khoản 4 Điều 54; khoản 4 Điều 71 tại dự thảo kỳ 5

nhằm tạo sự công khai, minh bạch, đặc biệt nhằm tránh việc lạm dụng để mở rộng phạm vi các mặt hàng thuộc diện bình ổn giá, hạn chế sự can thiệp từ cơ quan quản lý nhà nước đến quy luật cung cầu; bảo đảm tính pháp lý chắc chắn, ổn định, giúp doanh nghiệp, người dân đang kinh doanh những mặt hàng thuộc diện bình ổn giá có chiến lược kinh doanh phù hợp. Đồng thời, việc quy định rõ danh mục các mặt hàng bình ổn giá trong Luật cũng khắc phục tình trạng “luật khung, luật ống”.

(2) Để bảo đảm tính linh hoạt, kịp thời, Luật Giá hiện hành cũng đã quy định trường hợp cần điều chỉnh danh mục các mặt hàng bình ổn giá, Chính phủ trình UBNDTVQH xem xét, quyết định (UBNDTVQH họp hằng tháng và có thể họp bất thường để kịp thời quyết định). Vì vậy, để đúng với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan dân cử, bảo đảm công khai, minh bạch về chính sách nhưng vẫn đáp ứng tính linh hoạt, kịp thời, phù hợp thực tiễn, dự thảo luật đã được chỉnh lý, hoàn thiện để tiếp thu kịp thời theo hướng giữ như quy định của Luật hiện hành.

Theo đó, Cơ quan thẩm tra đã phối hợp với Cơ quan soạn thảo bổ sung Phụ lục 01 quy định những mặt hàng bình ổn giá và tại khoản 3 Điều 17 dự thảo kỳ 5 quy định: *“Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, trên cơ sở đề nghị của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính trình Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá.”* Đồng thời cũng chỉnh lý các quy định có liên quan tại các Điều, khoản khác để đảm bảo tính tương thích.

5.2. Về Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá cụ thể

Thường trực Ủy ban TCNS đã phối hợp cùng Cơ quan soạn thảo và các Bộ, ngành, cơ quan liên quan để rà soát, đánh giá cụ thể Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá như sau:

(1) Về danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá tại Luật Giá hiện hành quy định 11 hàng hóa, dịch vụ gồm: Xăng, dầu thành phẩm; điện; khí dầu mỏ hóa lỏng; phân đạm, phân NPK; thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật; vac-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; muối ăn; sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện; thóc, gạo tẻ thường; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật. Qua rà soát, đánh giá tình hình thực hiện trong thời gian qua và so với các tiêu chí tại Khoản 1 Điều 17 dự thảo (i) Là hàng hóa, dịch vụ thiết yếu, (ii) Có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội, sản xuất kinh doanh và đời sống người dân cho thấy một số mặt hàng không còn phù hợp, cụ thể là:

- Điện: Mặt hàng này thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá nên việc định giá, điều chỉnh giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền định giá quyết định, vì vậy điện không thuộc trường hợp bình ổn giá.

- Khí dầu mỏ hóa lỏng: LPG hiện đang thực hiện kê khai giá hàng tháng

theo biến động của giá CP (contract price) do công ty Aramco Saudi công bố vào ngày cuối của tháng này và áp dụng cho ngày đầu tiên của tháng sau (Các trường hợp biến động tỷ giá hoặc yếu tố khác thì các công ty thực hiện kê khai giá theo quy định như các hàng hóa khác). Các đơn vị thực hiện kê khai giá về Bộ Tài chính và Sở Tài chính không có vướng mắc phát sinh, từ khi LPG nằm trong danh mục hàng hóa thực hiện bình ổn giá theo quy định của Luật Giá/2012 đến nay, Chính phủ chưa phải thực hiện biện pháp bình ổn giá đối với giá LPG trong nước. Do nhu cầu trong nước về tiêu thụ LPG được đáp ứng đủ từ nguồn nhập khẩu và sản xuất trong nước từ 2 nhà máy Bình Sơn, Nghi Sơn và PV Gas nên cơ bản không có diễn biến bất thường hoặc đột biến về giá cũng như nguồn cung. Do vậy có thể cân nhắc đưa LPG ra khỏi danh mục hàng hóa thực hiện bình ổn giá và thực hiện theo giá tham chiếu (CP).

- Mặt hàng muối ăn và đường ăn (trong đó được phân loại gồm đường trắng và đường tinh luyện): Qua theo dõi nhiều năm cho thấy giá các mặt hàng này tương đối ổn định; nguồn cung ngày càng dồi dào, nhu cầu ít biến động và cơ cấu tiêu dùng của người dân cũng có sự chuyển dịch theo hướng giảm nên không cần thiết nằm trong danh mục bình ổn giá.

(2) Đưa mặt hàng thức ăn chăn nuôi vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá vì mặt hàng này thiết yếu đối với sản xuất chăn nuôi, chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành chăn nuôi. Trong thời gian qua một số ý kiến của cử tri có đề nghị Chính phủ xem xét bình ổn giá mặt hàng này nhưng chưa triển khai được do chưa thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá.

(3) Đối với mặt hàng trang thiết bị y tế phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19: tại Nghị Quyết số 41/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội và Nghị quyết số 12/2021/UBTVQH15 ngày 30/12/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã đề nghị bổ sung mặt hàng này vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá. Tuy nhiên, tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP đã quy định biện pháp kê khai giá đối với trang thiết bị y tế; mặt khác trong bối cảnh bình thường trước và sau đại dịch như hiện nay, mặt bằng giá những mặt hàng trang thiết bị y tế là tương đối ổn định, cơ bản không có biến động. Từ những vấn đề nêu trên cho thấy việc đưa mặt hàng này vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá là không còn phù hợp.

Bên cạnh đó, tại Điểm b Khoản 2 Điều 18 dự thảo kỳ 5 đã quy định UBTVQH có thẩm quyền xem xét bình ổn giá ngay khi công bố tình trạng khẩn cấp, dịch bệnh và thiên tai cơ bản đã đảm bảo cho công tác tổ chức thực hiện bình ổn giá với mặt hàng này nếu xảy ra dịch bệnh.

(4) Như vậy, Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá được kế thừa 7 mặt hàng và bổ sung 01 mặt hàng. Cụ thể gồm:

- Xăng dầu thành phẩm;
- Phân bón urê, phân NPK;

- Vac-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;
- Thuốc bảo vệ thực vật;
- Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi;
- Thóc tẻ, gạo tẻ;
- Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh theo quy định của pháp luật;
- Thức ăn chăn nuôi.

5.3. Nhiều ý kiến cho rằng, cần quy định về Quỹ bình ổn giá trong Luật song cần quy định rõ và mở rộng theo hướng đó là một trong các biện pháp bình ổn giá, không nên có một điều riêng về quỹ; cần hoàn thiện cơ chế quản lý Quỹ, quy định nguyên tắc, điều kiện thành lập Quỹ, nguồn hình thành Quỹ, thời hạn hoạt động của Quỹ và giao cho Chính phủ quyết định; bảo đảm công khai, minh bạch, hài hòa lợi ích của Nhà nước và Nhân dân. Cũng có ý kiến đề nghị không quy định nội dung này tại Dự thảo Luật.

Thường trực Ủy ban TCNS xin tiếp thu như sau:

Thứ nhất, việc tiếp tục quy định về quỹ bình ổn giá tại dự thảo luật là nhằm (i) tiếp tục kế thừa quy định của Điều 17 Luật Giá hiện hành¹¹; (ii) để bảo đảm căn cứ pháp lý, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong các trường hợp cần thiết thành lập quỹ. Trên cơ sở đó, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo thống nhất xin được giữ quy định về quỹ bình ổn giá tại dự thảo luật (nếu không quy định trong Luật, trường hợp phát sinh cần thiết phải thành lập quỹ bình ổn giá sẽ không có căn cứ để triển khai).

Thứ hai, tiếp thu ý kiến ĐBQH, quy định rõ và mở rộng theo hướng việc **sử dụng quỹ bình ổn giá** là một trong các biện pháp bình ổn giá để đảm bảo phù hợp với thực tiễn; đồng thời đưa các quy định nguyên tắc về quỹ bình ổn giá vào điểm đ khoản 1 Điều 19 dự thảo kỳ 5 và không kết cấu một điều riêng về quỹ bình ổn giá như tại dự thảo kỳ 4.

Thứ ba, tiếp thu ý kiến ĐBQH, để bảo đảm công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm quản lý, tại điểm đ khoản 1 Điều 19 dự thảo kỳ 5 đã quy định rõ: “**Chính phủ quyết định việc lập quỹ bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ chiến lược thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá; quy định về quản lý, trích lập, sử dụng quỹ bình ổn giá và chịu trách nhiệm bảo đảm tính công khai, minh bạch, hiệu quả trong quản lý, sử dụng quỹ**”.

5.4. Nhiều ý kiến tán thành duy trì Quỹ bình ổn xăng dầu, một số ý kiến đề nghị không tiếp tục duy trì Quỹ bình ổn giá xăng dầu. Có ý kiến đề nghị lấy ý kiến Nhân dân về sự cần thiết duy trì Quỹ bình ổn giá xăng dầu.

¹¹ Điều 17 Luật Giá hiện hành quy định: “Trong trường hợp cần thiết, lập quỹ bình ổn giá đối với mặt hàng cân bình ổn giá thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá nhằm hỗ trợ bình ổn giá; sử dụng quỹ bình ổn giá khi giá của hàng hóa, dịch vụ đó biến động bất thường hoặc tác động xấu đến nền kinh tế và đời sống. Chính phủ quy định chi tiết về mặt hàng được lập quỹ bình ổn giá, việc lập, quản lý và sử dụng quỹ bình ổn giá.”

Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo cho rằng, trong điều kiện hiện nay nên duy trì Quỹ bình ổn giá xăng dầu vì: (1) Quỹ bình ổn giá xăng dầu là một trong những công cụ điều tiết giá xăng dầu trong nước, là biện pháp kinh tế, không phải là can thiệp hành chính. (2) Trong bối cảnh hiện nay việc bỏ Quỹ là chưa phù hợp vì (i) khi thị trường xăng dầu của Việt Nam vẫn chưa hoàn toàn vận hành theo quy luật thị trường, còn có sự điều hành của Nhà nước; (ii) khi quản lý điều hành giá bán lẻ xăng dầu trong nước vẫn thông qua giá cơ sở; (iii) khi chu kỳ điều chỉnh giá xăng dầu trong nước còn tương đối dài; (iv) khi lượng dự trữ xăng dầu còn mỏng. (3) Thực tế thời gian qua cho thấy, khi giá xăng dầu thế giới biến động thì Quỹ bình ổn đã phát huy vai trò “điều hòa”, góp phần giảm tần suất và mức điều chỉnh tăng giá bán xăng dầu, giảm biên độ biến động giá, từ đó giảm thiểu các tác động tiêu cực đến sản xuất, kinh doanh, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến ĐBQH, Thường trực Ủy ban TCNS đề nghị trong quản lý, điều hành Quỹ bình ổn giá xăng dầu, Chính phủ cần đề cao tính công khai, minh bạch về thực trạng nguồn, việc sử dụng Quỹ, nâng cao tính kịp thời, hiệu quả thực tế trong điều hành, nhất là khi biến động, đồng thời có lộ trình để sớm đưa giá xăng dầu của Việt Nam hoàn toàn vận hành theo quy luật thị trường.

Đối với đề nghị lấy ý kiến Nhân dân về sự cần thiết duy trì Quỹ bình ổn giá xăng dầu, Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo là trong quá trình xây dựng dự thảo Luật, Cơ quan soạn thảo đã gửi ý kiến rộng rãi Nhân dân, các đối tượng chịu tác động của Luật trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, trang điện tử của Bộ Tài chính theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trong đó có nội dung về xin ý kiến đánh giá về sự cần thiết của quy định về quỹ bình ổn giá, bao gồm cả Quỹ bình ổn giá xăng dầu. Ý kiến của nhân dân còn đa chiều, có ý kiến đề xuất bỏ quy định về quỹ nhưng cũng có nhiều ý kiến ủng hộ sự cần thiết của Quỹ bình ổn giá xăng dầu; bên cạnh đó, đa số ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương (trong đó có ý kiến của Bộ Công Thương, Hiệp hội xăng dầu Việt Nam) nhất trí với sự cần thiết của quy định về quỹ bình ổn giá và đề nghị giữ quy định về Quỹ bình ổn giá xăng dầu.

6. Về định giá

6.1. Nhiều ý kiến đề nghị quy định cụ thể các tiêu chí, trường hợp hàng hóa, dịch vụ Nhà nước định giá, phương pháp định giá và Danh mục hàng hóa, dịch vụ Nhà nước định giá cần rà soát kỹ lưỡng, phù hợp với các luật chuyên ngành; đồng thời có ý kiến chi tiết về một số hàng hóa, dịch vụ cụ thể.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, Thường trực Ủy ban TCNS đã rà soát, chỉnh lý, bổ sung một số quy định về định giá của Nhà nước tại Mục 2 Chương IV nhằm bảo đảm khả thi, minh bạch, bảo vệ những người làm công tác định giá. Cụ thể so với dự thảo kỳ 4, dự thảo kỳ 5 đã: (1) Kết cấu lại các Điều, khoản tại Mục 2 chương IV để tăng tính tương thích, liên mạch; (3) đối với những hàng hóa, dịch vụ được quy định tại các luật chuyên ngành đã quy định theo hướng các Bộ

quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan ban hành phương pháp định giá bao gồm: điện, đất đai, dịch vụ khám chữa bệnh, học phí, dịch vụ giáo dục, bản quyền khi khai thác, sử dụng tác phẩm ghi âm, ghi hình...¹²; (4) đối với Danh mục hàng hóa, dịch vụ Nhà nước định giá được quy định tại Dự thảo Luật, đã chỉnh lý, bổ sung chi tiết liên quan đến thẩm quyền, hình thức định giá các mặt hàng do Nhà nước định giá và được thể hiện tại Danh mục kèm theo dự thảo kỳ 5¹³; (5) để làm rõ tính pháp lý và tạo thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện, khắc phục hạn chế trong thời gian qua, đã chỉnh lý quy định tại khoản 1 Điều 24 dự thảo kỳ 5 về việc ban hành văn bản định giá, cơ chế, chính sách giá¹⁴.

6.2. Một số ý kiến đề nghị không quy định giá trần đối với dịch vụ cảng biển và dịch vụ hàng không; song cũng có một số ý kiến và Bộ Giao thông vận tải đề nghị cần quy định giá trần đối với các dịch vụ này. Cũng có ý kiến đề nghị nghiên cứu tiếp tục quy định cả giá tối thiểu đối với dịch vụ này (tức là tiếp tục áp dụng khung giá như quy định hiện hành).

Thứ nhất, về đề nghị không quy định giá trần, Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Một số ý kiến cho rằng, không nên áp dụng giá trần đối với các dịch vụ này vì: (1) Danh mục các hàng hóa, dịch vụ này không thuộc tiêu chí hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá quy định tại Khoản 1 Điều 22 dự thảo Luật; (2) Không phù hợp với nguyên tắc thị trường khi đã có nhiều doanh nghiệp tham gia đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực này; (3) Giá trần do cơ quan quản lý Nhà nước quy định trong một số trường hợp thấp hơn chi phí đầu tư của nhà đầu tư hoặc thấp hơn chi phí đầu vào do giá cả vật tư, nguyên, nhiên vật liệu tăng cao; (4) Việc điều chỉnh giá trần của cơ quan Nhà nước thường rất chậm, không theo kịp biến động của thị trường gây khó khăn, thua lỗ lớn cho các doanh nghiệp. Đồng thời, làm mất đi nguồn lực, tài nguyên, nguồn thu NSNN của nhà nước (như trường hợp giá dịch vụ bốc xếp container của nước ta bị cạnh tranh xuống giá quá thấp, thấp hơn rất nhiều so với giá các nước trong khu vực và giá được quy định cách đây 20 năm, đang làm suy kiệt tiềm năng phát triển kết cấu hạ tầng cảng biển của Việt Nam, chuyên cơ bản lợi nhuận cho các hãng tàu nước ngoài); (5) Quy định giá trần nhưng không quy định giá tối thiểu trong nhiều trường hợp dẫn đến việc cạnh tranh không lành mạnh; (6) Làm hạn chế doanh nghiệp kinh doanh

¹² Điều 23 dự thảo kỳ 5.

¹³ Như: (1) Bổ sung dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá tối đa theo phân cấp quản lý bến phà; (2) Bổ sung Sản phẩm, dịch vụ khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin do bộ, ngành quản lý theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân và giao các Bộ, ngành quản lý cơ sở dữ liệu thực hiện định giá. (3) Chỉnh lý đưa lại vào Danh mục một số hàng hóa, dịch vụ đã đề xuất đưa ra khỏi phạm vi định giá theo ý kiến ĐBQH và đề xuất của các Bộ, ngành như dịch vụ đấu giá tài sản, dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng, dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ đầu tư từ nguồn vốn nhà nước, dịch vụ môi giới, đưa người lao động đi nước ngoài (4) sửa đổi một số nội dung cụ thể khác về thẩm quyền, hình thức cho phù hợp với thực tế và một số nội dung về kỹ thuật lập pháp tại Bản so sánh Luật kèm theo.

¹⁴ Khoản 1 Điều 24: “1. Văn bản định giá hoặc điều chỉnh mức giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền định giá ban hành là văn bản hành chính; việc ban hành văn bản được thực hiện như sau: a) Lập phương án giá; b) Thẩm định phương án giá; c) Trình và ban hành văn bản định giá.”

phân khúc chất lượng cao. Ngoài ra, đối với dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa, một số ý kiến cho rằng, việc áp giá trần còn một số vướng mắc: (i) không phù hợp với thông lệ quốc tế vì các quốc gia trên thế giới hiện không áp dụng; (ii) không công bằng đối với các loại hình dịch vụ khác vì hiện nay giá dịch vụ vận chuyển hành khách bằng tàu hỏa, vận chuyển hành khách tuyến cố định, taxi đều do doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tự định giá và kê khai giá với cơ quan Nhà nước.

Tuy nhiên, Cơ quan soạn thảo và Bộ Giao thông vận tải đề nghị phải giữ quy định về giá trần đối với dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa vì các lý do sau: (1) Trên thực tế, hiện nay các dịch vụ này vẫn là một trong những dịch vụ thiết yếu, có ý nghĩa quan trọng, tác động với phạm vi rất lớn đến đời sống người dân, đến hoạt động sản xuất - kinh doanh. Việc không quy định giá trần đồng nghĩa với việc Nhà nước bỏ công cụ điều tiết và để doanh nghiệp cung cấp dịch vụ toàn quyền quyết định giá cung cấp dịch vụ. Khi sửa Luật theo hướng không còn quy định giá trần thì các hãng hàng không hoàn toàn có thể đưa ra giá vé ở mức cao, nhất là một số tuyến có cạnh tranh hạn chế, sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi người tiêu dùng, tác động tiêu cực đến xã hội và khó khắc phục vì nếu tiếp tục sửa Luật thì đòi hỏi thời gian. Đặc biệt, so với mức thu nhập bình quân của người dân Việt Nam hiện nay thì càng thu hẹp điều kiện để người dân được tiếp cận dịch vụ hàng không nếu trường hợp giá vé tăng cao; (2) Trên thực tế, dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa vẫn đang là một trong các dịch vụ thuộc loại có thị trường cạnh tranh hạn chế và vẫn đang thuộc tiêu chí do Nhà nước định giá theo đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 dự thảo kỳ 5; (3) Việc bỏ quy định về áp dụng giá trần đối với dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa là vấn đề lớn, thay đổi một chính sách quan trọng và theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải được đánh giá tác động; trong khi chưa đánh giá tác động thì chưa đủ căn cứ sửa đổi; (4) Thời gian qua, nhiều hãng hàng không thua lỗ là do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chính là do tác động tiêu cực từ đại dịch Covid, không phải do việc quy định giá trần. Trường hợp việc giá trần chưa phù hợp thì đề nghị Chính phủ có trách nhiệm chỉ đạo xem xét, kịp thời điều chỉnh cho phù hợp (nguyên nhân là do tổ chức thực hiện, không phải nguyên nhân do quy định của luật); (5) Để tôn trọng và bảo đảm quyền định giá của doanh nghiệp, dự thảo luật cũng đã chỉnh lý theo hướng chuyển từ quy định khung giá sang quy định giá trần nhằm tạo cơ chế khuyến khích cạnh tranh lành mạnh để giảm giá dịch vụ, bảo vệ lợi ích người tiêu dùng.

Thứ hai, về đề nghị quy định giá tối thiểu đối với dịch vụ vận chuyển hàng không, Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Trong thời gian qua dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa tuyến độc quyền đã có sự phát triển mạnh với sự tham gia của một số hãng hàng không (hiện có 6 hãng hàng không, trong đó 3 hãng có thị phần lớn là Vietnam Airlines chiếm khoảng 35%, Vietjet Air khoảng 40%, Bamboo Airways khoảng 16% thị phần). Như vậy đã có sự cạnh tranh nhưng còn rất hạn chế theo quy định tại

Luật Cạnh tranh¹⁵. Trong khi dịch vụ này vẫn thuộc diện thiết yếu, quan trọng, tác động lớn đến đời sống người dân, hoạt động sản xuất, kinh doanh. Xuất phát từ thực tiễn trên đòi hỏi một mặt phải tiếp tục thúc đẩy cạnh tranh nhưng mặt khác vẫn phải có cơ chế hạn chế lợi dụng lợi thế, nhất là một số tuyến độc quyền thì việc quy định giá sàn là không còn phù hợp.

Nhìn chung, đối với cả 2 vấn đề về giá trần và giá sàn dịch vụ vận chuyển hàng không, Thường trực Ủy ban TCNS nhận thấy đều là vấn đề lớn, có tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi, đời sống người dân, doanh nghiệp, ngân sách nhà nước. Vì vậy, Thường trực Ủy ban TCNS xin các vị ĐBQH cho ý kiến cụ thể để làm cơ sở cho việc hoàn thiện dự thảo Luật.

6.3. Có ý kiến đề nghị cần làm rõ lý do, đánh giá tác động đối với sự thay đổi của các dịch vụ, hàng hóa tại Danh mục dịch vụ, hàng hóa do Nhà nước định giá. Có ý kiến cho rằng, Phụ lục danh mục các hàng hóa, dịch vụ danh mục hàng hóa, dịch vụ đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá tại Dự thảo Luật là không cần thiết.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Thứ nhất, về đề nghị cần làm rõ lý do, đánh giá tác động đối với sự thay đổi của các dịch vụ, hàng hóa tại Danh mục dịch vụ, hàng hóa do Nhà nước định giá. Tại Tờ trình số 356/TTr-CP ngày 30/9/2022, Chính phủ đã báo cáo có 17 hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá đang được quy định tại Luật Giá hiện hành, 35 hàng hóa, dịch vụ đang được quy định tại các luật chuyên ngành khác. Trên cơ sở đó đã đề xuất đưa ra khỏi danh mục Nhà nước định giá 14 hàng hóa, dịch vụ do không phù hợp với 04 tiêu chí xác định hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá đã đề ra tại dự thảo luật và thực hiện theo cơ chế giá thị trường; đồng thời, Chính phủ trình bổ sung 02 dịch vụ, hàng hóa do Nhà nước định giá là sách giáo khoa và hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị, doanh nghiệp quốc phòng, an ninh theo quy định tại điểm e khoản 2.1 Nghị quyết số 63/2022/QH15¹⁶ và theo đề nghị của Bộ Quốc phòng vì thuộc trường hợp Nhà nước độc quyền sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Luật Thương mại và Nghị định 94/2017/NĐ-CP, phù hợp với các tiêu chí tại Dự thảo Luật.

Bên cạnh đó, trong quá trình rà soát toàn diện Danh mục và lấy lại ý kiến của các Bộ quản lý ngành theo ý kiến của ĐBQH, Cơ quan soạn thảo và Thường trực Ủy ban TCNS đã thống nhất chỉnh lý bổ sung hoặc đưa lại một số hàng hóa vào Danh mục (như đã trình bày tại điểm 6.1, ghi chú số 13). Tiếp thu ý kiến ĐBQH, để làm rõ hơn căn cứ, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo xin bổ sung một báo cáo cụ thể về căn cứ, đánh giá tác động đối với việc bổ sung, chỉnh lý, đưa ra khỏi Danh mục của từng hàng hóa, dịch vụ.

Thứ hai, đối với ý kiến Phụ lục danh mục các hàng hóa, dịch vụ danh mục hàng hóa, dịch vụ đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá

¹⁵ Điều 24 Luật Cạnh tranh và doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường.

¹⁶ Bổ sung sách giáo khoa vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi sửa đổi Luật Giá

tại Dự thảo Luật là không cần thiết; thực tế tại dự thảo kỳ 4 đã trình Quốc hội cũng không quy định nội dung này, tuy nhiên trong quá trình giải, trình, tiếp thu, chỉnh lý, Cơ quan soạn thảo đã rà soát bổ sung để tạo thuận lợi cho việc xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan và trình tại các kỳ họp Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trên cơ sở ý kiến của ĐBQH, Thường trực Ủy ban TCNS xin tiếp thu và không bổ sung quy định Phụ lục này tại dự thảo luật; đồng thời quy định rõ hơn về các nội dung bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung tại Điều 72 dự thảo kỳ 5 theo đúng kỹ thuật lập pháp, quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

7. Về hiệp thương giá

Nhiều ý kiến đề nghị cần làm rõ hơn vai trò của Nhà nước trong hiệp thương giá và cần làm rõ trách nhiệm, vai trò của từng tổ chức, cá nhân trong hiệp thương giá.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Về cơ bản, các quy định hiệp thương giá được kế thừa từ Luật hiện hành. Biện pháp hiệp thương giá là cơ chế trung gian nhằm xử lý tình huống có vướng mắc về giá trong một số trường hợp gắn với các điều kiện cụ thể, nhằm tạo thuận lợi cho các bên. Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về kinh tế thị trường, dự thảo kỳ 4 đã bỏ quy định trường hợp thực hiện hiệp thương giá theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh và quy định rõ các trường hợp hiệp thương theo đề nghị của các tổ chức kinh doanh. Như vậy, cơ chế hiệp thương giá được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của hai bên mua bán. Tiếp thu ý kiến ĐBQH, Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý quy định nhằm quy định rõ vai trò, trách nhiệm của Nhà nước và của từng tổ chức, cá nhân trong hiệp thương giá và quy định tại Điều 25 đến Điều 27 Dự thảo Luật. Để bảo đảm bao quát và tính pháp lý của hiệp thương giá, khoản 5 Điều 27 Dự thảo Luật đã quy định rõ về việc triển khai trong trường hợp hai bên không thống nhất được giá hiệp thương¹⁷.

8. Về kê khai, niêm yết, tham chiếu giá, kiểm tra yếu tố hình thành giá

Nhiều ý kiến đề nghị quy định cụ thể hơn, bảo đảm tính khả thi trong thực hiện về kê khai, niêm yết, giá tham chiếu, kiểm tra yếu tố hình thành giá và cần rà soát để bảo đảm tính thống nhất với các quy định khác.

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, so với quy định tại Dự thảo Luật trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 4, Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý nhiều quy định về kê khai, niêm yết, tham chiếu giá, kiểm tra yếu tố hình thành giá nhằm bảo đảm thống nhất, công khai, minh bạch, có tính khả thi thực hiện và thể

¹⁷ Khoản 5 Điều 27 Dự thảo Luật quy định: “Trong trường hợp bên mua và bên bán không thỏa thuận được mức giá và tiếp tục đề nghị cơ quan hiệp thương giá định giá để hai bên thực hiện thì cơ quan hiệp thương giá lập biên bản để các bên ký ghi nhận nội dung hội nghị hiệp thương giá. Bên bán có trách nhiệm lập phương án giá, lấy ý kiến bên mua và tổng hợp gửi cơ quan hiệp thương giá rà soát, đánh giá, xem xét ban hành văn bản định giá để hai bên thực hiện. Các đơn vị có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu để cơ quan hiệp thương thực hiện định giá. Văn bản định giá của cơ quan tổ chức hiệp thương chỉ được áp dụng một lần cho đúng đối tượng đề nghị hiệp thương, theo đúng vụ việc mua, bán, khối lượng hàng hóa, dịch vụ đã được các bên thống nhất tại văn bản đề nghị và không có giá trị để áp dụng cho các trường hợp khác. Bên mua và bên bán chịu trách nhiệm tuân thủ mức giá do cơ quan tổ chức hiệp thương ban hành”

hiện tại Điều 29 đến Điều 34 Dự thảo Luật. Theo đó, loại trừ bớt trường hợp đối tượng phải kê khai giá là những cá nhân kinh doanh nhỏ lẻ¹⁸; chỉnh sửa quy định về niêm yết giá¹⁹; chỉnh lý quy định về việc tổ chức thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá²⁰.

9. Về thẩm định giá

9.1. Về quy định chung

Nhiều ý kiến đề nghị rà soát, bổ sung quy định về nguyên tắc, tiêu chuẩn để làm rõ cơ sở pháp lý và bảo đảm tính bao quát trong các quy định về lĩnh vực thẩm định giá.

Tiếp thu ý kiến đại biểu, Thường trực Ủy ban TCNS đã bổ sung 01 Điều quy định về Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam²¹ (có chỉnh lý tên gọi từ Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam thành Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam theo ý kiến của ĐBQH). Đồng thời, tại Dự thảo Luật cũng đã sửa đổi, bổ sung và củng cố nhiều quy định nhằm vừa đảm bảo tính chặt chẽ, vừa đảm bảo tính bao quát, thống nhất; tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện.

9.2. Về dịch vụ thẩm định giá

Nhiều ý kiến đề nghị rà soát, chỉnh sửa các quy định về dịch vụ thẩm định giá nhằm bảo đảm tính khả thi, chặt chẽ.

Thường trực Ủy ban TCNS đã tiếp thu, chỉnh lý quy định về dịch vụ thẩm định giá nhằm bảo đảm chặt chẽ, khả thi trong thực hiện và thể hiện tại Mục 2 Chương VI (từ Điều 44 đến Điều 58) dự thảo kỳ 5. Trong đó đã chỉnh lý quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, các nhân liên quan đến dịch vụ thẩm định giá như các quy định về tiêu chuẩn dự thi cấp thẻ thẩm định viên về giá²², quy định về đăng ký hành nghề thẩm định giá²³, quy định về quyền, nghĩa vụ của thẩm định viên về giá²⁴ và các quy định về điều kiện thành lập, quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá, người chịu trách nhiệm về

¹⁸ Khoản 3 Điều 28 Dự thảo Luật: “*Đối tượng kê khai giá là tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có đăng ký kinh doanh theo quy định tại pháp luật về doanh nghiệp và có quyền quyết định giá; thuộc danh sách do cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận kê khai thông báo*”

¹⁹ Chỉnh lý quy định tại khoản 3 Điều 29 dự thảo 5: “*Việc niêm yết được thực hiện Các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ niêm yết giá bằng các hình thức phù hợp với điều kiện thực tế tại địa điểm bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc trên các trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, website thương mại điện tử của mình. Giá niêm yết phải được gắn với số lượng hoặc khối lượng hàng hóa, dịch vụ cụ thể phù hợp, các thông tin khác (nếu có) về đặc điểm kỹ thuật cơ bản, xuất xứ, phương thức mua bán; khuyến khích in trực tiếp lên bao bì của sản phẩm.*”

²⁰ Điểm c khoản 2 Điều 33 Dự thảo Luật: “*Thời gian kiểm tra yếu tố hình thành giá tối đa không quá 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ tài liệu theo yêu cầu, việc kiểm tra được tiến hành trực tiếp tại trụ sở của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp cần thiết kéo dài thời gian kiểm tra, cơ quan kiểm tra có trách nhiệm thông báo đến đối tượng kiểm tra, thời gian kéo dài không quá 15 ngày*”

²¹ Bổ sung Điều 42 tại Dự thảo Luật về Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam

²² Chỉnh sửa điểm b khoản 2 Điều 44 Dự thảo Luật: “*Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các nhóm ngành về kinh tế, kỹ thuật, luật theo quy định của pháp luật;*”

²³ Điều 45 và Điều 46 Dự thảo Luật.

²⁴ Điểm b khoản 2 Điều 47 Dự thảo Luật: “*Chịu trách nhiệm về chuyên môn, tính chính xác, trung thực trong quá trình thực hiện và đảm bảo Báo cáo thẩm định giá tuân thủ các Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam;*”

doanh nghiệp thẩm định giá²⁵. Về cơ bản các nội dung chính lý không làm thay đổi các chính sách về thẩm định giá tại Luật và được trình bày cụ thể tại mục 13, 14 phần II báo cáo này.

9.3. Về thẩm định giá của Nhà nước

Nhiều ý kiến đề nghị rà soát, quy định cụ thể nghĩa vụ, trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong hoạt động thẩm định giá của Nhà nước.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Thứ nhất, dự thảo luật đã quy định rõ nguyên tắc và cơ chế thực hiện thẩm định giá của Nhà nước. Đối với các trường hợp cụ thể phải thẩm định giá của Nhà nước, để bảo đảm tính hợp lý, đầy đủ, thống nhất, các đạo luật chuyên ngành sẽ xác định cụ thể; đồng thời quy định tăng cường phân cấp, phân quyền cho các Bộ, ngành, địa phương trong hoạt động thẩm định giá của Nhà nước.

Thứ 2, về việc xác định trách nhiệm, dự thảo kỳ 5 đã được hoàn thiện, chỉnh lý theo nguyên tắc quy định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức, cơ quan tương ứng với công việc mà mình thực hiện. Cụ thể là: (1) Tổ chức thẩm định (Hội đồng thẩm định giá) phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan với nội dung tại thông báo kết quả thẩm định đưa ra, bảo đảm tuân thủ Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam. Kết quả thẩm định giá mang tính chất cung cấp căn cứ, thông tin, tư vấn cho người có thẩm quyền xem xét, quyết định giá tài sản. Mặc dù kết quả thẩm định giá không mang tính bắt buộc phải thực hiện mà là một trong những cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, phê duyệt giá tài sản, song Hội đồng thẩm định, từng thành viên Hội đồng thẩm định phải chịu trách nhiệm trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết quả thẩm định không chính xác, trung thực. (2) Cơ quan có thẩm quyền quyết định giá xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Nội dung này thể hiện cụ thể tại điểm a khoản 2 Điều 62²⁶, điểm b khoản 2 Điều 63²⁷ và khoản 1 Điều 64²⁸ của dự thảo kỳ 5.

Thứ 3, để tiếp tục cụ thể hóa trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân, trên cơ sở tiếp thu ý kiến đại biểu, Thường trực Ủy ban TCNS đã rà soát, chỉnh lý, quy định cụ thể nhiều nội dung về hoạt động thẩm định giá của Nhà nước, theo đó đã bổ sung 02 Điều tại dự thảo kỳ 5 bao gồm quy định về quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập Hội đồng thẩm định giá²⁹ và quy định về

²⁵ Điều 49, Điều 50, Điều 51 Dự thảo Luật.

²⁶ Điểm a khoản 2 Điều 62 Dự thảo Luật: “Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ; tính trung thực, khách quan, chính xác trong quá trình thẩm định giá tài sản và chịu trách nhiệm về hoạt động thẩm định giá tài sản mà Hội đồng thẩm định giá thực hiện tuân thủ Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam;”.

²⁷ Điểm b khoản 2 Điều 63 Dự thảo Luật: “Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ; chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng, tính đầy đủ, chính xác, trung thực, khách quan đối với thông báo kết quả thẩm định giá và chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến nhận định, đánh giá của mình quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này”

²⁸ Khoản 1 Điều 64 Dự thảo Luật: “Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được sử dụng làm một trong những cơ sở để cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, quyết định giá hoặc phê duyệt giá tài sản theo quy định của pháp luật có liên quan.”

²⁹ Điều 61 tại Dự thảo Luật

quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thẩm định giá³⁰; chỉnh lý làm rõ thêm quy định về phạm vi thẩm định giá của Nhà nước để tránh trùng lặp “*Hoạt động thẩm định giá của Nhà nước không áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Luật này*”³¹. Đồng thời bổ sung quy định về nguyên tắc hoạt động của Hội đồng thẩm định giá tại khoản 3 Điều 60 Dự thảo Luật; bổ sung quy định về quyền của Hội đồng thẩm định giá “*xem xét, quyết định sử dụng kết quả của đơn vị tư vấn, doanh nghiệp thẩm định giá*”³² và nghĩa vụ của Hội đồng phải đảm bảo “*Rà soát, đánh giá việc tuân thủ về thu thập, phân tích thông tin, lựa chọn phương pháp thẩm định giá, lập Báo cáo thẩm định giá và Chứng thư thẩm định giá trong trường hợp thuê thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc thẩm định giá*”³³... Ngoài ra, để bảo đảm đủ căn cứ pháp lý khi xảy ra sai phạm, dự thảo kỳ 5 cũng quy định những hành vi bị nghiêm cấm đối với Hội đồng thẩm định giá và thành viên Hội đồng thẩm định giá³⁴. Những quy định trên nhằm vừa tạo cơ sở pháp lý chặt chẽ, vừa bảo đảm tính khả thi, giúp các cá nhân, tổ chức liên quan yên tâm thực hiện đúng chức trách được giao.

10. Về thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

Nhiều ý kiến đề nghị rà soát, quy định cụ thể cơ chế, trách nhiệm giám sát, kiểm tra, quy trình thực hiện thẩm định bảo đảm theo các quy định của pháp luật và các chế tài xử lý vi phạm.

Đây là nội dung mới so với quy định hiện hành. Vì vậy, tại dự thảo kỳ 4 một số quy định về thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá chưa thực sự chặt chẽ, một số nội dung chưa cụ thể. Tiếp thu ý kiến ĐBQH, Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý, bổ sung nhiều nội dung liên quan đến thanh tra chuyên ngành về giá, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá nhằm bảo đảm tính cụ thể, chặt chẽ, khả thi. Theo đó, đã bổ sung mục tiêu, yêu cầu của thanh tra, kiểm tra nhằm “*Phòng ngừa, phát hiện và xử lý các vi phạm trong chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá*”³⁵; bổ sung quy định về kết quả thanh tra, kiểm tra và trách nhiệm xử lý³⁶; bổ sung các nguyên tắc về xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá³⁷. Những quy định trên nhằm xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong trường hợp xảy ra sai phạm.

II. VỀ NỘI DUNG CỤ THỂ

Ngoài những vấn đề lớn các đại biểu quan tâm và vấn đề còn ý kiến khác nhau, Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo các nội dung cụ thể như sau:

³⁰ Điều 63 tại dự thảo kỳ 5

³¹ Khoản 3 Điều 59 dự thảo kỳ 5

³² Điểm c khoản 1 Điều 62 dự thảo kỳ 5

³³ Điểm b khoản 2 Điều 62 dự thảo kỳ 5

³⁴ Khoản 5, khoản 6 Điều 7 dự thảo kỳ 5

³⁵ Khoản 4 Điều 67 dự thảo kỳ 5

³⁶ Điều 70 dự thảo kỳ 5

³⁷ Điều 71 dự thảo kỳ 5

1. Về phạm vi điều chỉnh của Luật (Điều 1)

Một số ý kiến đề nghị phạm vi điều chỉnh cần thiết kể lại để bảo đảm tính logic, xác định rõ phạm vi; phân định rõ hơn các chủ thể được điều chỉnh bởi Luật, bảo đảm tính đầy đủ và bao quát. Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ thẩm định giá vào sau cụm từ “kiểm tra”.

Thường trực Ủy ban TCNS đã phối hợp với Cơ quan soạn thảo đề chỉnh lý, quy định theo hướng bảo đảm xác định rõ phạm vi theo như ý kiến của ĐBQH (quy định theo hướng liệt kê đầy đủ các nội dung đã quy định tại luật để tránh chồng chéo về phạm vi áp dụng với các luật khác). Theo đó, đã chỉnh lý quy định tại Điều 1 dự thảo kỳ 5 như sau: “*Luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân, người tiêu dùng trong lĩnh vực giá; hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước; tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; thẩm định giá; thanh tra chuyên ngành về giá, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá*”.

2. Về đối tượng áp dụng (Điều 2)

Có ý kiến cho rằng, đối tượng áp dụng mới chỉ đề cập đối tượng kinh doanh mà chưa đề cập đến đối tượng sản xuất hàng hóa

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Việc sử dụng thuật ngữ “*tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ*” được thay đổi so với Luật Giá hiện hành để thống nhất với pháp luật liên quan như Luật Thương mại, Luật Doanh nghiệp. Trong thuật ngữ này cũng bảo đảm đã bao quát được các đối tượng sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ bên cạnh các đối tượng về kinh doanh thương mại, bán lẻ... Do đó, xin được giữ như dự thảo

3. Về giải thích từ ngữ (Điều 4)

Một số ý kiến đề nghị cần giải thích một số từ ngữ cụ thể và chính xác hơn; bổ sung giải thích từ ngữ đối với một số khái niệm có trong Dự thảo Luật. Tiếp thu ý kiến ĐBQH, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo đã rà soát, thống nhất tiếp thu và thể hiện tại Điều 4 dự thảo luật; trong đó đã bổ sung, chỉnh lý nhiều quy định để phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành. Cụ thể như sau:

a) Một số ý kiến đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ đối với các khái niệm: “quản lý nhà nước”, “giá trị phi thị trường”, “điều tiết giá”; có ý kiến đề nghị đưa nội hàm “giá tham chiếu” từ Điều 33 dự thảo kỳ 4 lên Điều 4 về giải thích từ ngữ.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

- Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, tại dự thảo đã bổ sung khái niệm về “điều tiết giá” tại khoản 8 Điều 4³⁸ trên cơ sở tổng hợp, đánh giá các khái niệm về các

³⁸ Khoản 8 điều 4: “8. Điều tiết giá là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp quy định tại Luật này tác động vào giá hàng hóa, dịch vụ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, Nhà nước và nhằm thực hiện các mục tiêu kiểm soát lạm phát, phát triển kinh tế - xã hội.”

biện pháp quản lý, điều tiết giá được quy định tại dự thảo luật.

- Đối với khái niệm “quản lý nhà nước” có tính lý luận chung; khái niệm “giá trị phi thị trường” không được đề cập tại các Điều, khoản của Luật nên xin không quy định các nội dung này tại dự thảo luật.

- Đối với vấn đề “giá tham chiếu”, để đảm bảo tính tương thích, đồng bộ, thuận lợi cho triển khai hướng dẫn đối với một nội dung mới như giá tham chiếu, Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp tục giữ quy định này tại Điều 30 dự thảo kỳ 5 quy định chung về giá tham chiếu và cơ chế áp dụng giá tham chiếu.

b) Một số ý kiến đề nghị chỉnh lý, giải thích lại một số khái niệm về “hàng hóa”, “dịch vụ”, “hàng hóa, dịch vụ thiết yếu” để đảm bảo phù hợp với thực tiễn; có ý kiến đề nghị làm rõ hơn nữa yếu tố thị trường tại Luật cũng như làm rõ yếu tố cung cầu trong các khái niệm về “giá thị trường”, “yếu tố hình thành giá”.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

- Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, qua đánh giá, rà soát với các quy định tại một số Luật khác như Luật Tiêu chuẩn chất lượng, Luật Thương mại..., tại dự thảo luật đã chỉnh lý lại các khái niệm tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 4 đảm bảo phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành³⁹.

- Về khái niệm “yếu tố hình thành giá” chỉ căn cứ áp dụng cho việc định giá của Nhà nước đối với các hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; phần lớn các hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Luật đều xuất phát từ căn cứ định giá là chi phí, lợi nhuận phù hợp. Do vậy xin được giữ khái niệm này như dự thảo.

c) Có ý kiến đề nghị chỉnh lý khái niệm về “thẩm định giá” thành “tư vấn xác định giá” hoặc dùng khái niệm “định giá” thay cho “thẩm định giá”; có ý kiến đề nghị làm rõ hơn các khái niệm liên quan đến thẩm định giá.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

- Về khái niệm “Thẩm định giá” là cụm từ ghép giữa 2 từ “thẩm định” và “giá”. Theo từ điển Tiếng Việt “thẩm định” nghĩa là xem xét nhằm đánh giá để xác định, quyết định. Từ “giá” trong trường hợp này được hiểu là giá trị. Do đó, sử dụng cụm từ “thẩm định giá” cho hoạt động xem xét, đánh giá tài sản nhằm xác định giá trị của tài sản về cơ bản là phù hợp và đưa ra khuyến nghị, “lời

³⁹ Cụ thể như: “Hàng hóa là sản phẩm tài sản có thể trao đổi, mua, bán trên thị trường, có khả năng thỏa mãn nhu cầu của con người, bao gồm các loại động sản và bất động sản.

2. Dịch vụ là hàng hóa có tính vô hình, quá trình sản xuất và tiêu dùng không tách rời nhau bao gồm các loại dịch vụ trong hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu là những hàng hóa, dịch vụ không thể thiếu cho sản xuất, đời sống, kinh tế, quốc phòng, an ninh; bao gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dịch vụ chính phục vụ sản xuất, lưu thông; sản phẩm đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người, nhu cầu phát triển kinh tế và quốc phòng, an ninh cần thiết đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dịch vụ chính phục vụ sản xuất, lưu thông và phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

4. Giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ là mức giá được hình thành trên cơ sở quan hệ cung cầu, do các yếu tố thị trường quyết định tại một thời gian, không gian nhất định là giá hàng hóa, dịch vụ trong giao dịch khách quan và độc lập được hình thành do các yếu tố chi phối và vận động của thị trường quyết định tại một thời điểm, địa điểm nhất định.”

khuyên” về giá; còn việc sử dụng các khuyến nghị này do tổ chức, cá nhân sở hữu tài sản hoặc có quyền đối với tài sản quyết định. Một mặt khác thì cụm từ “thẩm định giá” cũng đã được sử dụng xuyên suốt từ Pháp lệnh giá năm 2002 cho đến nay, việc thay thế thuật ngữ có thể gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện. Do vậy, xin tiếp thu ý kiến ĐBQH theo hướng làm rõ hơn nữa nội hàm “thẩm định giá” là “hoạt động tư vấn xác định giá trị” như sau: *“Thẩm định giá là hoạt động tư vấn xác định giá trị bằng tiền của tài sản thẩm định giá tại một địa điểm, thời điểm, phục vụ cho mục đích nhất định theo Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam do doanh nghiệp thẩm định giá, Hội đồng thẩm định giá thực hiện”*.

- Về khái niệm định giá, khoản 11 Điều 4 dự thảo kỳ 5 quy định: *“Định giá là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ quyết định giá của hàng hóa, dịch vụ tại một thời điểm.”* Như vậy, đối với Nhà nước thì việc định giá là quyết định mang tính hành chính để xác định giá của hàng hóa, dịch vụ. Trong hệ thống pháp luật về giá, việc sử dụng các thuật ngữ này đã được thực hiện xuyên suốt từ trước tới nay và nhiều văn bản pháp luật khác cũng sử dụng các thuật ngữ này. Việc thay thế các thuật ngữ có thể gây nhầm lẫn, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện các quy định pháp luật về định giá và thẩm định giá. Việc hiểu và áp dụng các khái niệm *“thẩm định giá”, “định giá”* trong Luật Giá cũng không mâu thuẫn với các luật khác. Do vậy, xin được tiếp tục sử dụng các thuật ngữ này như hiện hành.

- Đối với các khái niệm liên quan đến thẩm định giá, tại dự thảo Luật cũng đã bổ sung, chỉnh lý, hoàn thiện các khái niệm về *“tài sản thẩm định giá”, “báo cáo thẩm định giá”, “chứng thư thẩm định giá”, “thông báo kết quả thẩm định giá”*⁴⁰.

5. Về nguyên tắc quản lý, điều tiết giá của Nhà nước (Điều 5)

5.1. Có ý kiến cho rằng, các quy định tại Điều 5 chưa đảm bảo khái quát các nguyên tắc để làm cơ sở cho các luật chuyên ngành khác thực hiện theo và đề nghị giữ như quy định hiện hành.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

⁴⁰ Các khoản 17 đến 20 Điều 4: *“17. Tài sản thẩm định giá là hàng hóa, dịch vụ và tài sản quy định tại Điều 105 của Bộ Luật dân sự, được cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu thẩm định giá theo nhu cầu hoặc các trường hợp pháp luật quy định phải thẩm định giá.*

18. Báo cáo thẩm định giá là văn bản trình bày chi tiết về quá trình thẩm định giá, giá trị của tài sản thẩm định giá để làm căn cứ lập chứng thư thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá hoặc thông báo kết quả thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá, trong đó:

a) Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá, báo cáo thẩm định giá do thẩm định viên về giá lập, thể hiện ý kiến của thẩm định viên về giá và được người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá hoặc người đứng đầu chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá xem xét, phê duyệt;

b) Đối với hoạt động thẩm định giá của Nhà nước, báo cáo thẩm định giá do hội đồng thẩm định giá lập và thể hiện ý kiến của các thành viên hội đồng.

19. Chứng thư thẩm định giá là văn bản do doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá phát hành sau khi kết thúc hoạt động thẩm định giá để thông báo cho khách hàng và các bên liên quan về giá trị tài sản thẩm định giá và những nội dung chính của Báo cáo thẩm định giá.

20. Thông báo kết quả thẩm định giá là văn bản do hội đồng thẩm định giá phát hành sau khi kết thúc hoạt động thẩm định giá để báo cáo thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thành lập hội đồng thẩm định giá về giá trị tài sản thẩm định giá và những nội dung chính của Báo cáo thẩm định giá.”

Các nguyên tắc về quản lý, điều tiết giá quy định tại Điều 5 được kế thừa từ các quy định hiện hành và có bổ sung thêm một số những nội dung nhằm tăng cường tính minh bạch, công khai, bảo đảm phù hợp với thực tiễn. Đây là những nguyên tắc gốc để các Luật chuyên ngành khác có quy định về giá cũng cần thực hiện theo để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong thể chế về giá nói chung. Do vậy, xin được giữ các nội dung cơ bản quy định tại Điều này như dự thảo kỳ 4.

5.2. Có ý kiến đề nghị cần quy định rõ về thứ tự ưu tiên giữa lợi ích của Nhà nước, lợi ích của công cộng, lợi ích của người tiêu dùng để áp dụng khi xảy ra xung đột lợi ích.

Trên cơ sở ý kiến của ĐBQH, Cơ quan thẩm tra đã phối hợp cùng Cơ quan soạn thảo rà soát lại và thấy rằng trong công tác quản lý, điều hành giá là phải bảo đảm sự hài hòa lợi ích của các bên; tuy nhiên để thể hiện rõ hơn mục tiêu bảo vệ người tiêu dùng, xin được tiếp thu và chỉnh lý lại như sau: “*Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, người tiêu dùng và Nhà nước*”⁴¹.

6. Về các hành vi bị cấm (Điều 7)

6.1. Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định cấm không tăng giá cao đối với các mặt hàng thiết yếu trong bất kỳ trường hợp nào khi chưa có văn bản hướng dẫn hoặc chưa có sự đồng ý của cơ quan chức năng thẩm tra về giá; quy định rõ việc khan hiếm hàng hóa, thực phẩm thiết yếu là do cung, cầu mất cân đối hay ghim hàng đầu cơ, tích trữ.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Luật hiện hành và Dự thảo Luật cũng tiếp tục kế thừa việc thể chế hóa quan điểm của Đảng về thúc đẩy nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; trong đó công tác quản lý, điều hành giá được thực hiện thống nhất theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, như vậy chỉ có một số ít hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục Nhà nước định giá. Việc điều chỉnh (trong đó có tăng giá) do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định. Đối với các hàng hóa, dịch vụ không thuộc danh mục việc tăng giảm giá hoàn toàn do thị trường quyết định, việc đặt ra vấn đề cấm không tăng giá cao đối với các mặt hàng thiết yếu trong bất cứ trường hợp nào là chưa thật sự phù hợp với các nguyên tắc thị trường. Tuy nhiên, để bảo đảm chặt chẽ, Thường trực Ủy ban và Cơ quan soạn thảo thống nhất sửa đổi, chỉnh lý lại quy định này như sau: “*Lợi dụng thảm họa, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh để tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ không phù hợp với biến động của giá thành toàn bộ so với điều kiện bình thường nhằm trục lợi*”⁴².

6.2. Một số ý kiến đề nghị bổ sung quy định: “Cấm chuyển giá giữa các đơn vị của các doanh nghiệp liên doanh hoặc các doanh nghiệp FDI”.

⁴¹ Khoản 2 Điều 5 dự thảo kỳ 5

⁴² Điểm c khoản 2 Điều 7 dự thảo kỳ 5

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Vấn đề chuyển giá trong doanh nghiệp cũng như các biện pháp phòng, chống chuyển giá hiện được thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan. Tại Điều 6 Luật Quản lý thuế đã quy định về các hành vi nghiêm cấm trong quản lý thuế có bao gồm chuyển giá. Vì vậy, vấn đề này đã có pháp luật điều chỉnh, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Giá. Do vậy, xin không quy định nội dung này.

6.3. Có ý kiến cho rằng, đối với hành vi thông đồng về giá nhưng không có quy định về việc xử lý nếu có vi phạm và đề nghị bổ sung quy định xử lý.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Theo Dự thảo Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá trình cùng Hồ sơ Luật⁴³, các hành vi thông đồng về giá sẽ bị xử lý hành chính, trong trường hợp có yếu tố hình sự sẽ thực hiện theo quy định tại Bộ Luật Hình sự, Bộ Luật Tố tụng hình sự. Do vậy, xin không quy định chi tiết nội dung này tại Dự thảo Luật và sẽ được chỉnh lý, hoàn thiện tại Dự thảo Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá.

7. Về quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh, người tiêu dùng (từ Điều 8 đến Điều 11)

7.1. Một số ý kiến góp ý chi tiết như: đề nghị gộp Khoản 1 và Khoản 6 Điều 8; gộp Khoản 3, 4, 5 thành một khoản; khoản 4 Điều 32 chuyển sang khoản 10 Điều 10; khoản 1, Điều 10 viết lại như sau: “Lựa chọn thỏa thuận về giá khi mua hàng hóa, dịch vụ, trừ hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quy định giá”; gộp khoản 3 và khoản 4 Điều 9 thành một khoản có nội dung như sau: “kê khai niêm yết giá bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật”.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

- Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến của ĐBQH, thống nhất chỉnh lý gộp khoản 5, khoản 6 vào khoản 1 Điều 8 như sau “*Tự định giá và điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh, trừ hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá cụ thể. Được tham khảo, áp dụng nguyên tắc, căn cứ, phương pháp định giá do Nhà nước quy định để định giá hàng hóa, dịch vụ*”.

- Riêng khoản 3 và khoản 4 Điều 9 có phạm vi đối tượng áp dụng hai biện pháp kê khai và niêm yết giá khác nhau nên xin được giữ nguyên như dự thảo kỳ 4. Khoản 4 Điều 32 dự thảo kỳ 4 thực tế đã được thể hiện tại khoản 8 Điều 8 nên xin chỉnh lý bỏ quy định này tại Điều 29 dự thảo kỳ 5.

7.2. Có ý kiến đề nghị tại Điều 9 bổ sung nghĩa vụ thực hiện cung cấp

⁴³ Khoản 9 Điều 20, khoản 5, khoản 7 Điều 21, khoản 4 Điều 22 Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá, phí, lệ phí và hóa đơn; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ kèm theo Hồ sơ trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 4

thông tin, kê khai đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin của giá hàng hóa, dịch vụ, cung cấp dịch vụ thiết yếu ...; bỏ đoạn “lập phương án giá hoặc báo cáo đánh giá chi tiết về các yếu tố hình thành giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa” vì tạo thêm rất nhiều thủ tục hành chính.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Về nguyên lý dùng trong công tác quản lý, điều hành giá thì phương án giá là cơ sở quan trọng để xem xét nhất là việc định giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy việc đặt ra quy định tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa phải “lập phương án giá khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để triển khai các biện pháp quản lý, điều tiết giá” là cần thiết và phù hợp. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến ĐBQH, để giới hạn phạm vi, làm rõ các trường hợp, cách thức báo cáo, tránh việc lạm dụng, tạo thêm thủ tục hành chính, Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo thống nhất gộp khoản 6 vào khoản 1 và chỉnh lý lại khoản 1 điều 9 như sau:

~~“1. Lập phương án giá hoặc báo cáo đánh giá chi tiết về các yếu tố hình thành giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định giá và khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để triển khai các biện pháp quản lý, điều tiết giá. Lập phương án giá hoặc báo cáo đánh giá chi tiết về các yếu tố hình thành giá hàng hóa, dịch vụ hoặc cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ số liệu, tài liệu có liên quan theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp triển khai, áp dụng các biện pháp quản lý, điều tiết giá theo quy định của Luật này.”~~

7.3. Có ý kiến cho rằng nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng trong các trường hợp tổ chức kinh doanh trên nền tảng số chưa được đề cập

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Tại dự thảo luật áp dụng thuật ngữ “tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ” đã bao hàm các tổ chức kinh doanh trên nền tảng số, thương mại điện tử theo quy định của Luật Thương mại và các quy định pháp luật về thương mại điện tử. Mặt khác, nội dung này cũng được chỉnh lý, thể hiện rõ về trách nhiệm thực hiện niêm yết giá quy định tại khoản 2 Điều 29 dự thảo Luật: “Các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ niêm yết giá bằng các hình thức phù hợp với điều kiện thực tế tại địa điểm bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc trên các trang thông tin, website thương mại điện tử của mình. Giá niêm yết được gắn với số lượng hoặc khối lượng hàng hóa, dịch vụ phù hợp, các thông tin khác (nếu có) về đặc điểm kỹ thuật cơ bản, xuất xứ, phương thức mua bán; khuyến khích in trực tiếp lên bao bì của sản phẩm.”.

7.4. Có ý kiến cho rằng, quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng cần quy định phù hợp và khả thi

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý lại quy định tại khoản 3 Điều 10 dự thảo kỳ 5 thành: “*Được yêu cầu cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, về giá, chất lượng, xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ; được cung cấp hóa đơn bán hàng theo quy định của pháp luật.*”.

8. Về nội dung quản lý về giá, thẩm định giá và nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước (từ Điều 12 đến Điều 18 dự thảo kỳ 4).

8.1. Có ý kiến cho rằng, tên của Chương III cần sửa lại cho phù hợp thành “*Quản lý nhà nước về giá*” hoặc “*Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về giá*”.

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo thống nhất chỉnh lý lại tên Chương thành “*Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về giá*” là đảm bảo bao hàm các nội dung quy định về quản lý nhà nước về giá.

8.2. Có ý kiến đề nghị quy định rõ vai trò của cơ quan quản lý nhà nước về giá trong tham gia xây dựng pháp luật, phương pháp định giá và cách định giá dịch vụ nhà nước

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Việc quy định rõ trách nhiệm phối hợp của các cơ quan trong việc ban hành văn bản là rất cần thiết, nhất là đối với lĩnh vực giá liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực. Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo đã thống nhất tiếp thu, chỉnh lý, bổ sung tại khoản 2 các Điều 14, 15, 16 về thẩm quyền của Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và UBND cấp tỉnh⁴⁴. Đồng thời cũng đã bổ sung làm rõ các quy định về trách nhiệm xây dựng phương pháp định giá tại các Điều này tại khoản 6 Điều 14, khoản 6 Điều 15 dự thảo kỳ 5⁴⁵.

8.3. Có ý kiến đề nghị làm rõ nguyên tắc, mối quan hệ giữa hai phương pháp định giá; phương pháp được ưu tiên khi có xung đột giữa hai phương pháp. Có ý kiến đề nghị trình tự, thủ tục định giá nên giao cho Chính phủ quy định chi tiết, nhất là phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá, các hàng hóa, dịch vụ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

⁴⁴ Khoản 2 Điều 14: “Ban hành theo thẩm quyền, xây dựng, trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá thuộc lĩnh vực quản lý; phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về giá”

Khoản 2 Điều 15: “Ban hành theo thẩm quyền, xây dựng, trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá thuộc lĩnh vực quản lý; phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về giá.”

Khoản 2 Điều 16: “Ban hành theo thẩm quyền, xây dựng, trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về giá.”

⁴⁵ Khoản 6 Điều 14: “Định giá đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền; quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và hướng dẫn thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật này.”

Khoản 6 Điều 15: “Định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền; chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng, ban hành phương pháp định giá riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật này và Luật khác có liên quan.”

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

- Việc quy định rõ nguyên tắc, mối quan hệ giữa các phương pháp định giá là rất cần thiết; tuy nhiên vấn đề này mang tính kỹ thuật, chi tiết, gắn với từng trường hợp và sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn Luật về phương pháp định giá (hiện hành là Thông tư 25/2014/TT-BTC). Với thẩm quyền giao Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung và các Bộ, ngành quy định phương pháp định giá riêng là phù hợp; do vậy xin tiếp tục giao các Bộ hướng dẫn phương pháp và không quy định chi tiết nội dung này tại Luật.

- Về trình tự, thủ tục định giá là các vấn đề có tính kỹ thuật, tùy thuộc vào từng loại hàng hóa, dịch vụ, thẩm quyền mà quy trình, trình tự có sự khác nhau, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến ĐBQH và chỉnh lý theo hướng quy định nguyên tắc và giao Chính phủ quy định chi tiết.

8.4. Có ý kiến đề nghị thẩm quyền tham mưu Chính phủ, ban hành nghị định, thông tư, quản lý giá đất... nên thuộc Bộ Tài chính, còn các Bộ, ngành quản lý cụ thể về giá.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Theo Dự thảo Luật, Bộ Tài chính là cơ quan ban hành các văn bản quy phạm pháp luật chung về giá, bao gồm cả phương pháp định giá hàng hóa, dịch vụ. Việc quản lý các hàng hóa, dịch vụ cụ thể sẽ giao cho các Bộ, ngành, địa phương theo lĩnh vực, phạm vi quản lý. Riêng đối với đất đai là một trong các hàng hóa đặc thù đã được nêu tại Điều 3 của Luật thì sẽ được cập nhật, thực hiện theo Luật Đất đai. Hiện nay song song với quá trình xây dựng Luật Giá (sửa đổi) thì dự án Luật Đất đai (sửa đổi) cũng đang được hoàn thiện, trình Quốc hội. Để bảo đảm tính đồng bộ thì các quy định của Luật Giá về hàng hóa này sẽ theo hướng cập nhật, thực hiện theo Luật Đất đai. Do vậy, xin tiếp tục giữ nội dung này như Dự thảo.

8.5. Một số ý kiến đề nghị Bộ Tài chính có vai trò chính trong quản lý nhà nước về giá và các bộ, ngành chỉ phối hợp tham gia.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Công tác quản lý, điều hành giá được gắn với lĩnh vực, phạm vi quản lý hàng hóa, dịch vụ cụ thể. Việc phân định rõ thẩm quyền giữa Bộ Tài chính và các Bộ, ngành cũng là chủ trương trong việc xây dựng dự án Luật. Việc tăng cường phân công, phân cấp trong thực tế đã được thực hiện bước đầu ngay từ Luật Giá 2012 và được triển khai triệt để tại Dự thảo Luật lần này.

Thực tế tại Dự thảo Luật cũng đã tiếp tục chuyển một số việc quản lý hàng hóa, dịch vụ cụ thể hiện đang thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính cho các Bộ chuyên ngành (Dịch vụ kiểm định phương tiện vận tải chuyển Bộ Giao thông vận tải; Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dành dùng cho động vật, thực vật, dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y chuyển Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập chuyển Bộ Y tế). Việc chuyển thẩm quyền quản lý như vậy là phù

hợp với chức năng, nhiệm vụ, chuyên môn lĩnh vực quản lý và được sự đồng thuận của các Bộ, ngành.

Từ thực tiễn triển khai thực hiện cho thấy nếu giao hết về một đầu mối là Bộ Tài chính và Sở Tài chính là không bảo đảm tính khả thi vì mỗi hàng hóa, dịch vụ đều có những đặc thù riêng về yếu tố kỹ thuật, những vấn đề về sản xuất, cung ứng gắn với chiến lược của từng ngành, lĩnh vực. Vì thế, nếu cắt đoạn khâu quản lý giá và giao một cơ quan khác thực hiện sẽ không bảo đảm tính đồng bộ; trừ một số trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc quản lý của nhiều cơ quan. Từ lý do này, trong thực tiễn thời gian qua, việc giao thẩm quyền trách nhiệm quản lý giá hàng hóa, dịch vụ gắn với quản lý ngành lĩnh vực là một nguyên tắc và đã phát huy tính hiệu quả. Ví dụ như giá đất đã được điều chuyển về Bộ Tài nguyên và Môi trường, giá điện điều chuyển về Bộ Công thương.

Do vậy, xin được giữ nội dung này như Dự thảo.

8.6. Có ý kiến đề nghị không nên quy định cụ thể về việc Bộ trưởng, Ủy ban nhân dân giao nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn tham mưu công tác quản lý nhà nước về giá như tại Điều 18 của dự thảo kỳ 4. Một số ý kiến đề nghị cần bảo đảm sự thống nhất giữa Điều 18 và Điều 26 hoặc đưa nội hàm Điều 18 vào các Điều 14, 15, 16.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Thường trực Ủy ban TCNS và cơ quan soạn thảo đã rà soát, đánh giá kỹ trên tinh thần tiếp thu tối đa ý kiến ĐBQH; theo đó, việc quy định về nguyên tắc giao nhiệm vụ tham mưu công tác quản lý nhà nước về giá của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cho các cơ quan chuyên môn và vẫn cần thiết để đảm bảo thống nhất trong tổ chức thực hiện; mặt khác đây chỉ là các quy định có tính nguyên tắc, không can thiệp trực tiếp vào quyền hạn, trách nhiệm của các Bộ. Trên cơ sở đó, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo đã thống nhất chỉnh lý lại theo hướng bỏ Điều 18 và đưa một số nội dung còn phù hợp của Điều này vào các Điều 14, 15, 16 tại dự thảo kỳ 5⁴⁶.

8.8. Có ý kiến đề nghị giữ lại khoản 3 Điều 19 Luật Giá hiện hành thay vì quy định thành danh mục riêng.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Khoản 3 Điều 19 Luật hiện hành quy định về danh mục hàng hóa, dịch vụ

⁴⁶ “Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính

1. Là cơ quan giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá. Bộ trưởng Bộ Tài chính giao cơ quan quản lý giá thuộc Bộ giúp Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá theo quy định của pháp luật”

“Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, Cơ quan ngang Bộ

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá trong lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ giao cơ quan, đơn vị hiện có thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá của Nhà nước quy định tại Điều này.”

“Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá tại địa phương theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao các Sở, ngành giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá quy định tại Điều này”

do Nhà nước định giá, nhưng thẩm quyền và hình thức thì giao Chính phủ quy định. Dự thảo Luật sửa đổi quy định chi tiết danh mục là Phụ lục kèm theo Luật gồm tên hàng hóa, dịch vụ gắn với thẩm quyền và hình thức định giá. Việc quy định này một mặt tăng tính công khai, minh bạch, một mặt làm rõ hơn khoản 3 Điều 19 Luật Giá hiện hành. Do đó, xin được giữ như quy định này như dự thảo luật đã trình.

8.9. Về thẩm quyền của HĐND, Thường trực HĐND, nhiều ý kiến của ĐBQH đề nghị không quy định thẩm quyền định giá của HĐND, xem xét lại các quy định tại Điều 16 để thống nhất với các quy định tại Luật tổ chức chính quyền địa phương.

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo thống nhất bỏ Điều 16 trong dự thảo kỳ 4. Theo đó, thẩm quyền định giá hàng hóa, dịch vụ tại địa phương được quy định tại Luật giá chỉ có Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quy định về thẩm quyền định giá của Hội đồng nhân dân thực tế là quy định đặc thù, chỉ áp dụng đối với 2 lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh và giáo dục. Đối với những hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù thì thực hiện theo Luật chuyên ngành được quy định tại Điều 3 dự thảo kỳ 5.

8.10. Có một số ý kiến góp ý chi tiết về kỹ thuật như: sửa đổi, bổ sung cụm từ “cơ sở dữ liệu về giá” bằng cụm từ “cơ sở dữ liệu quốc gia về giá”; bổ sung nội dung ứng dụng công nghệ thông tin về giá, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về giá; đề nghị việc nghiên cứu, dự báo về giá, xây dựng cơ sở dữ liệu về giá cần có sự tham gia của các thành phần khác; nội dung về xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về giá (khoản 5 Điều 13) nên giao cho Bộ Tài chính quản lý.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo đã rà soát, đánh giá và thống nhất tiếp thu tối đa ý kiến các ĐBQH để chỉnh lý, bổ sung tại Dự thảo các nội dung đã được góp ý chi tiết nêu trên tại các Điều 38 về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá⁴⁷;

8.11. Có ý kiến đề nghị rà soát nội dung quy định các bộ chỉ có quyền kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, hoạt động thẩm định giá của Nhà nước trong lĩnh vực, phạm vi quản lý;

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Việc thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ chỉ thực hiện theo thẩm quyền, phạm vi quản lý và đã được quy định rõ tại Điều 14, Điều 15 dự thảo luật. Riêng đối với việc thanh tra chuyên ngành về giá thì Bộ Tài chính sẽ thực hiện theo phạm vi quản lý đã được quy định tại Luật Thanh tra. Các nội dung này cũng được thể hiện tại chương VII của dự

⁴⁷ Khoản 1 Điều 38: “Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá được xây dựng phục vụ công tác quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá và các nhu cầu của xã hội do Bộ Tài chính thống nhất quản lý. Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xây dựng để phục vụ công tác quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá tại địa phương và kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân xây dựng cơ sở dữ liệu về giá và kết nối với Cơ sở dữ liệu Quốc gia về giá.”

thảo kỳ 5.

9. Về bình ổn giá (từ Điều 17 đến Điều 20)

9.1. Về tiêu chí của hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, nhiều ý kiến cho rằng tiêu chí còn chung chung, khó định lượng.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Thực tế việc xác định tiêu chí quy định sẽ theo hướng đáp ứng đồng thời nhiều tiêu chí như phải là hàng hóa, dịch vụ thiết yếu (được quy định tại khoản 3 Điều 4) cũng như phải có tác động đến kinh tế - xã hội. Để làm rõ hơn ý kiến của ĐBQH, bên cạnh việc đã chỉnh lý quy định về khái niệm “hàng hóa, dịch vụ thiết yếu”, Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo thống nhất chỉnh lý quy định tại khoản 1 Điều 17 Dự thảo Luật⁴⁸ về tiêu chí của hàng hóa, dịch vụ và quy định chi tiết Danh mục các mặt hàng bình ổn giá tại khoản 2 Điều 17⁴⁹.

9.2. Về nguyên tắc, các trường hợp và biện pháp bình ổn giá, nhiều ý kiến đề nghị cần quy định rõ về thế nào là giá tăng quá cao và giảm quá thấp; cần có văn bản hướng dẫn kèm theo, đề nghị quy định rõ tỷ lệ phần trăm (%) biến động về giá để xác định thế nào là tăng quá cao, giảm quá thấp.

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo đã chỉnh lý quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 dự thảo kỳ 5: “*Giá của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá tăng quá cao hoặc giảm quá thấp trong một khoảng thời gian biến động bất thường* gây ảnh hưởng đến kinh tế xã hội, sản xuất kinh doanh, đời sống người dân”. Như vậy, việc bình ổn giá cụ thể (biện pháp, thời gian, tổ chức thực hiện) sẽ căn cứ trên cơ sở kiểm tra yếu tố hình thành giá để xác định rõ nguyên nhân, mức độ biến động của hàng hóa, dịch vụ. Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá về cơ bản mang tính rà soát, đánh giá vừa xác định các nguyên nhân của biến động giá nhằm đề xuất biện pháp phù hợp và sẽ có quy trình triển khai nhanh, bảo đảm kịp thời cho công tác thực hiện trong thực tiễn (không thuộc phạm vi hoạt động kiểm tra xử lý vi phạm).

Đối với quy định về “*giá biến động bất thường*” tại khoản 10 Điều 4 dự thảo kỳ 5, Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau: việc đặt ra quy định lượng hóa thế nào là tăng bất hợp lý, tăng quá cao hoặc giảm quá thấp là vấn đề đã được đặt ra để thảo luận, làm rõ từ giai đoạn xây dựng Luật hiện hành; trong quá trình xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, Ban soạn thảo cũng đã nghiên cứu vấn đề này. Tuy nhiên, do mỗi loại hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù riêng, mức độ biến động và ảnh hưởng của giá hàng hóa, dịch vụ trong các bối cảnh khác nhau

⁴⁸ Khoản 1 Điều 17: “1. Hàng hóa, dịch vụ **thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá** phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

a) Là hàng hóa, dịch vụ thiết yếu;

b) Có tác động lớn ảnh hưởng toàn diện đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, sản xuất kinh doanh và đời sống người dân trong từng thời kỳ.”

⁴⁹ Khoản 2 Điều 17: “Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá được quy định tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Luật này. Trên cơ sở rà soát, đề xuất của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định chi tiết loại sản phẩm thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá.”

nên việc lượng hóa chung một mức độ biến động sẽ không cần thiết, khó áp dụng cụ thể trong từng trường hợp. Ngay cả một số nước khi quy định về mức độ biến động để áp dụng các biện pháp bình ổn cũng gắn với từng nhóm hàng hóa và theo bối cảnh, nguyên nhân cụ thể (tình trạng khẩn cấp hay thiên tai, dịch bệnh...), không thể quy định rõ tỷ lệ phần trăm (%) biến động về giá để xác định.

9.3. Có ý kiến đề nghị cần cân nhắc quy định mức trần lợi nhuận trên giá vốn hoặc trên giá thành toàn bộ đối với các mặt hàng thiết yếu trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế, thiên tai, dịch bệnh; đề nghị cần có quy định bảo vệ lợi ích hợp pháp của cơ sở sản xuất, kinh doanh trong trường hợp bình ổn giá gây thiệt hại.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Tại khoản 3 Điều 20 của dự thảo kỳ 4 quy định các biện pháp bình ổn giá, trong đó có một biện pháp là: *“Quy định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá phù hợp với tính chất của từng loại hàng hóa, dịch vụ và thời hạn áp dụng mức giá; việc quy định giá hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo các nguyên tắc, căn cứ, phương pháp quy định tại Mục 2 Chương này”*

Biện pháp quy định giá tối đa để bình ổn giá chính là nhằm kiểm soát giá hàng hóa, dịch vụ và thông qua đó cũng đã điều tiết mức lợi nhuận của việc kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong giai đoạn áp dụng biện pháp bình ổn giá. Theo đó, đây là biện pháp can thiệp trực tiếp vào mức giá hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp. Tuy nhiên trong trường hợp này thì việc định giá cũng phải bảo đảm tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí hợp lý, hợp lệ (tương tự với việc định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục định giá); bảo đảm hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và người tiêu dùng. Như vậy lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp vẫn được bảo đảm phù hợp, hài hòa chung với mục tiêu bình ổn giá.

Do vậy, xin được giữ như Dự thảo để bảo đảm tính bao quát và thuận lợi, khả thi trong công tác tổ chức thực hiện.

9.4. Một số ý kiến cho rằng, cần quy định chi tiết một số nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện được bình ổn giá, đặc biệt đối với mặt hàng xăng, dầu thành phẩm, thuốc bảo vệ thực vật. Việc bình ổn giá cần bảo đảm để không gây ra hoặc giảm thiểu ảnh hưởng đến việc đầu tư nâng cao chất lượng trang thiết bị, vật tư y tế cho khám, chữa bệnh.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Luật Giá (sửa đổi) tiếp tục kế thừa Luật hiện hành để quy định rõ hoạt động bình ổn giá. Thứ nhất là mặt hàng bình ổn giá phải thuộc Danh mục; thứ hai là chỉ bình ổn giá khi có biến động bất thường (giá tăng quá cao hoặc giảm quá thấp so với hiện hành) gây tác động đến mặt bằng giá thì sẽ là dấu hiệu ban đầu để cơ quan có thẩm quyền thực hiện các biện pháp nghiệp vụ về rà soát yếu tố hình thành giá để xác định rõ nguyên nhân và đề xuất biện pháp bình ổn phù hợp. Quy định tại khoản 1 Điều 20 đối với áp dụng bình ổn giá trong trường hợp giá của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá biến

động bất thường gây tác động lớn đến kinh tế - xã hội, sản xuất, kinh doanh, đời sống người dân cũng đã nêu rõ việc bình ổn giá sẽ chỉ áp dụng thời hạn nhất định... do đó khi triển khai các cơ quan quản lý sẽ cân đối hài hòa giữa mục tiêu bình ổn và lợi ích của các bên, trong đó cũng sẽ bảo đảm không ảnh hưởng đến việc đầu tư nâng cao chất lượng trang thiết bị, vật tư y tế cho khám, chữa bệnh.

9.5. Một số ý kiến đề nghị bổ sung cách thức kiểm soát để bảo đảm tính thống nhất về chủ trương, tạo môi trường bình đẳng giữa người tiêu dùng ở các địa phương khác nhau trong việc áp dụng bình ổn giá trên địa bàn.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 21 tại Dự thảo kỳ 4 quy định: “*Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và áp dụng chương trình bình ổn giá thị trường trên địa bàn tỉnh trong các giai đoạn nhằm ổn định giá cả thị trường.*” Việc quy định giao UBND cấp tỉnh xây dựng và áp dụng chương trình bình ổn giá thị trường trên địa bàn tỉnh trong các giai đoạn nhằm ổn định giá cả thị trường đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn. Trong thực tiễn các địa phương đều triển khai hướng đến việc ổn định giá cả theo mặt bằng chung của giá thị trường, bảo đảm đời sống người dân và không có sự khác biệt nhiều với các địa phương khác do phương thức, cơ chế triển khai tương đồng. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của ĐBQH, đề nghị Cơ quan soạn thảo soạn thảo nghiên cứu nhằm có quy định điều chỉnh trường hợp lợi dụng theo hướng có quy định giới hạn các đối tượng mua với số lượng lớn để bán lại kiếm lời tại các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Do vậy, nội dung này tại khoản 3 Điều 20 Dự thảo kỳ 5 đã chỉnh lý thành: “*Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương trong từng giai đoạn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xây dựng chương trình, kế hoạch để triển khai các biện pháp phù hợp nhằm ổn định mặt bằng giá thị trường trên địa bàn.*”^{9.6. Có ý kiến đề nghị quy định chi tiết về thời hạn bình ổn giá.}

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo đã thống nhất chỉnh lý, bổ sung thêm quy định “*Thời hạn áp dụng các biện pháp bình ổn giá do cơ quan có thẩm quyền quyết định biện pháp bình ổn giá xác định trên cơ sở xác định nguyên nhân của biến động giá; căn cứ tình hình thực hiện, diễn biến giá hàng hóa, dịch vụ trong thực tế có thể kết thúc bình ổn giá trước thời hạn hoặc gia hạn thời hạn áp dụng.*” tại khoản 2 Điều 19.

10. Về định giá (từ Điều 21 đến Điều 24)

10.1. Có ý kiến đề nghị quy định tên Mục 2 Chương II là “Nhà nước định giá”.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Luật hiện hành quy định về nội dung này tại Mục 2 Chương III cũng là “Định giá” để bảo đảm tính bao quát, mang tính nguyên tắc chung và việc giữ tên gọi như Dự thảo Luật cũng không làm thay đổi bản chất của sự điều hành

của Nhà nước trong lĩnh vực giá. Do vậy, xin được giữ như Dự thảo. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến ĐBQH, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo thống nhất sắp xếp, chỉnh lý lại một số tên Điều tại Mục 2 Chương II⁵⁰ để làm rõ hơn nội hàm và bảo đảm tính logic, hợp lý.

10.2. Một số ý kiến đề nghị cần lượng hóa quy định về mức biến động của các yếu tố hình thành giá thì phải xem xét, điều chỉnh giá

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Điều 23 Dự thảo kỳ 4 quy định về nguyên tắc định giá, trong đó tại khoản 3 quy định “*Kịp thời xem xét điều chỉnh giá khi các yếu tố hình thành giá thay đổi*”. Về nguyên lý thì khi các yếu tố hình thành giá thay đổi sẽ có tác động đến mức giá hiện hành nên phải xem xét điều chỉnh (so với Luật hiện hành). Luật sửa đổi đã bổ sung cụm từ “xem xét” để các cơ quan có thẩm quyền trách nhiệm định giá hàng hóa, dịch vụ chủ động hơn trong điều chỉnh mức giá cho phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá và thực tiễn. Nếu quy định một mức biến động của yếu tố hình thành giá để có cơ sở điều chỉnh giá sẽ thuận lợi hơn cho thực hiện, nhưng sẽ không bảo đảm nguyên lý chung. Để phù hợp với thực tiễn cũng như qua rà soát với quy định tại Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư 2020 đã có nội dung sửa đổi Luật Giá, Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo thống nhất tiếp thu, chỉnh lý và thể hiện tại điểm c khoản 1 Điều 22 Dự thảo kỳ 5 như sau: “*Kịp thời Xem xét điều chỉnh giá khi các yếu tố hình thành giá thay đổi. Trường hợp điều chỉnh giá sản phẩm, dịch vụ công trong dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được thực hiện theo từng thời kỳ quy định tại hợp đồng dự án*”

10.3. Một số ý kiến đề nghị cần quy định cụ thể về nguyên tắc, tiêu chí, phương pháp, thẩm quyền và trách nhiệm xác định danh mục hàng hóa do Nhà nước định giá, tránh hiểu khác nhau để bảo vệ những người làm công tác định giá. Có ý kiến đề nghị có chương riêng về nội dung này.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Hoạt động định giá của Nhà nước đối với một số hàng hóa, dịch vụ là nội dung quan trọng tại Luật Giá hiện hành và Luật Giá (sửa đổi) tiếp tục kế thừa. Các quy định hiện hành mặc dù là bước tiến lớn trong công tác quản lý giá của Nhà nước nhưng qua thời gian thực hiện đã bộc lộ một số hạn chế như các hình thức định giá (giá cụ thể, khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu) chưa bao quát, đáp ứng được những phát sinh trong thực tiễn; một số danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá còn quy định trùng lặp, chồng chéo các Luật, Nghị định, Thông tư; chồng chéo trong quy định về thẩm quyền và hình thức định giá; chưa rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong định giá⁵¹. Tại Dự thảo kỳ 4, Cơ quan soạn thảo đã sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung về nguyên tắc, phương pháp, hình thức, thẩm quyền, trách nhiệm trong định giá của Nhà nước và kèm theo

⁵⁰ Chỉnh tên Điều 22 thành: “Nguyên tắc và căn cứ định giá của Nhà nước”; và một số nội hàm tại Mục để thể hiện rõ phạm vi định giá của Nhà nước.

⁵¹ Theo Báo cáo đánh giá tác động số 01/BC-BTC ngày 05/01/2022 của Bộ Tài chính

Danh mục các hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Theo đó, về cơ bản đã quy định khá cụ thể quyền hạn, trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong định giá Nhà nước. Tiếp thu ý kiến ĐBQH, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý, bổ sung một số quy định về nguyên tắc, phương pháp, tiêu chí, thẩm quyền, cơ sở pháp lý của văn bản định giá và Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá nhằm bảo đảm khả thi, minh bạch, bảo vệ những người làm công tác định giá⁵².

Đối với đề nghị có Chương riêng về nội dung này, Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo: Do hoạt động định giá là một trong những nội dung thuộc hoạt động quản lý, điều tiết giá, thực tế được kế thừa từ Luật Giá hiện hành; vì vậy, để quy định thống nhất, xin cho tiếp tục giữ là một Mục trong Chương IV Hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước.

10.4. Có ý kiến đề nghị cần bổ sung nguyên tắc trong trường hợp dịch bệnh hoặc có yếu tố rủi ro trong việc kinh doanh mặt hàng thì cho phép được có lợi nhuận cao hơn mức bình thường

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Luật Giá hiện hành và Luật sửa đổi tiếp tục kế thừa và có quy định các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ được quyền tự định giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất kinh doanh trừ hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Như vậy, ngay cả trong điều kiện bình thường thì Nhà nước không can thiệp vào giá của hàng hóa, dịch vụ trừ những hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục nhà nước định giá. Tuy nhiên trong trường hợp như dịch bệnh thì tại Luật có quy định cấm lợi dụng thảm họa, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh để tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ không phù hợp với biến động của giá thành toàn bộ so với điều kiện bình thường nhằm trục lợi (điểm c, khoản 2, Điều 7). Quy định này nhằm kiểm soát tình trạng “tê nước theo mưa”, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Vì vậy xin cho phép không đưa quy định này vào Luật để tránh có những lợi dụng để trục lợi.

10.5. Có ý kiến đề nghị làm rõ cụm từ hàng hóa, dịch vụ có tính địa bàn

⁵² - Chính lý Điều 23 về phương pháp định giá: “1. Phương pháp định giá là cách thức để xác định giá hàng hóa, dịch vụ.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Trên cơ sở phương pháp định giá chung, trường hợp cần hướng dẫn chi tiết, Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan liên quan hướng dẫn phương thức thực hiện.

3. Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan liên quan ban hành hoặc trình Chính phủ ban hành phương pháp định giá đối với hàng hóa, dịch vụ: gồm điện, đất đai, rừng, dịch vụ khám chữa bệnh, dịch vụ giáo dục, bản quyền khi khai thác, sử dụng tác phẩm ghi âm, ghi hình và hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật khác có quy định về phương pháp định giá riêng.”;

- Chính lý điểm b khoản 1 Điều 21 về tiêu chí định giá: “Tài nguyên quan trọng theo quy định của pháp luật về tài nguyên;”

- Chính lý Điều 24 về Ban hành văn bản định giá, điều chỉnh mức giá, quy định cơ chế, chính sách về giá:

“1. Văn bản định giá hoặc điều chỉnh mức giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền định giá ban hành là văn bản hành chính; việc ban hành văn bản được thực hiện như sau:

- a) Lập phương án giá;
- b) Thẩm định phương án giá;
- c) Trình và ban hành văn bản định giá.

2. Văn bản quy định cơ chế, chính sách về giá do cơ quan Nhà nước ban hành là văn bản quy phạm pháp luật; trình tự, thủ tục ban hành văn bản được thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.”

như thế nào, đồng thời quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm về nội dung trên là thuộc HĐND hay thuộc UBND.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Hàng hóa, dịch vụ có tính địa bàn là những hàng hóa, dịch vụ chỉ phát sinh tại địa phương này nhưng không phát sinh tại địa phương khác (như rừng thuộc phạm vi quản lý của địa phương hoặc dịch vụ vận tải hành khách trên đường sắt đô thị) hoặc có phát sinh tại các địa phương nhưng các khâu từ sản xuất, phân phối thì chỉ dừng ở phạm vi của từng địa phương (như nước sạch sinh hoạt, dịch vụ trông giữ xe). Tiếp thu ý kiến ĐBQH, Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo thông nhất xin được chỉnh lý tại điểm d khoản 3 Điều 21 Dự thảo Luật như sau:

*“~~Hội đồng nhân dân Ủy ban nhân dân cấp tỉnh~~ định giá đối với hàng hóa, dịch vụ có tính địa bàn **theo thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý theo địa bàn.**”*

10.6. Có ý kiến đề nghị cần rà soát danh mục hàng hóa, dịch vụ để tránh việc quy định về quy trình thẩm định, quy trình định giá, quản lý giá trong luật chuyên ngành

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Quy trình định giá bao gồm các bước về xây dựng phương án giá, thẩm định phương án giá và trình ban hành quyết định giá được quy định thống nhất tại Luật Giá và các văn bản hướng dẫn. Chỉ riêng 05 nhóm hàng hóa, dịch vụ đặc thù có thể có những quy định khác về nội dung này và hầu hết các hàng hóa, dịch vụ khác đều thực hiện thống nhất theo quy trình tại Luật Giá.

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo đã tích cực phối hợp, làm việc với các cơ quan liên quan để rà soát, đánh giá kỹ danh mục hàng hóa, dịch vụ Nhà nước định giá, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định liên quan và quy định tại Phụ lục Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

10.7. Có ý kiến cho rằng một số sản phẩm dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước khó xác định để phù hợp với mặt bằng thị trường, nhất là việc tính lợi nhuận của các đơn vị sự nghiệp tự chủ về tài chính trong phương án giá

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Đối với việc định giá dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã có chủ trương là đẩy mạnh thực hiện cơ chế giá thị trường theo lộ trình phù hợp; trên cơ sở đó, tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP nay là Nghị định 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ cũng đã quy định chi tiết về lộ trình triển khai; nguyên tắc định giá đối với nhóm dịch vụ này được thực hiện theo quy định của Luật Giá. Tại Điều 5 Nghị định 60/2021/NĐ-CP cũng đã quy định nguyên tắc là phải căn cứ khả năng cân đối ngân sách nhà nước và mặt bằng giá thị trường, tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ để cơ quan có

thẩm quyền quyết định cụ thể giá dịch vụ cho phù hợp. Ý kiến của ĐBQH còn bản khoản về vấn đề này là xác đáng, để khắc phục thì việc củng cố tăng cường trách nhiệm của cơ quan lập phương án giá, thẩm định phương án giá là rất quan trọng. Vấn đề này là một trong những yêu cầu được đặt ra khi Luật sửa đổi có hiệu lực. Như vậy, việc tính toán kết cấu các yếu tố chi phí trong phương án giá, trong đó có cả lợi nhuận sẽ thuộc khâu tổ chức thực hiện. Các vấn đề này, đề nghị Cơ quan soạn thảo tiếp thu, nghiên cứu để quy định chi tiết tại các văn bản hướng dẫn Luật về phương pháp định giá hàng hóa, dịch vụ.

10.8. Một số ý kiến không tán thành giao UBTVQH xem xét, điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ định giá vì Danh mục định giá cần phải quy định công khai, ổn định trong Luật, phải thuộc thẩm quyền của Quốc hội

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá được quy định tại Phụ lục 02 của Dự thảo Luật nhằm bảo đảm tính công khai, ổn định. Việc giao UBTVQH xem xét, điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá là được kế thừa từ Luật Giá hiện hành. Thực tiễn việc giao UBTVQH sẽ bảo đảm tính kịp thời trong một số trường hợp và tại các kỳ họp Quốc hội gần nhất thì UBTVQH sẽ báo cáo Quốc hội cụ thể. Do đó, xin được kế thừa quy định hiện hành và cho phép giữ nội dung này như Dự thảo.

10.9. Một số ý kiến góp ý cụ thể về danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá về một số mặt hàng như biển số xe, dịch vụ xác thực định danh điện tử...

Thường trực Ủy ban TCNS xin tiếp thu một số nội dung như sau:

(1) ĐBQH đề nghị bổ sung Danh mục dịch vụ xác thực điện tử vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá. Rà soát cho thấy dịch vụ này bảo đảm tiêu chí thuộc hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá. Bên cạnh đó, có một số ý kiến tham gia của các Bộ, ngành (Bộ Tài nguyên môi trường, Bộ Thông tin truyền thông, Bộ Tài chính...) cũng có ý kiến tương tự đối với một số dịch vụ từ các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Các cơ sở dữ liệu như đã nêu trên ngoài việc phải bảo đảm phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước thì việc cung cấp thông tin theo nhu cầu xã hội là một trong những dịch vụ có tính gia tăng của các cơ sở dữ liệu. Mặt khác, cơ chế để vận hành cơ sở dữ liệu cơ bản là do một đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ hoặc một đơn vị thuộc Bộ thực hiện, vì vậy việc các đơn vị này được thu một khoản tiền dịch vụ thông qua giá dịch vụ là phù hợp với Nghị định 60/2021/NĐ-CP. Vì vậy, tại danh mục đã bổ sung như sau: Sản phẩm, dịch vụ khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin do bộ, ngành quản lý theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân; Bộ, ngành được giao quản lý cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quyết định giá cụ thể, giá tối đa, khung giá (tùy dịch vụ) tại số thứ tự 37 phụ lục 2.

(2) Đối với giá biển số xe: Một số ý kiến của ĐBQH và Bộ Công an đề nghị bổ sung mặt hàng này để phù hợp với các quy định về việc thí điểm đấu giá biển số xe đã được Quốc hội thông qua. Tuy nhiên qua rà soát, việc xác định giá

biên số xe sẽ được thực hiện theo cơ chế đấu giá và như vậy tương tự với các hàng hóa, dịch vụ khác thì giá khởi điểm sẽ được xác định theo quy định tại Luật bán đấu giá tài sản và đã có cơ chế cụ thể để thực hiện. Do vậy, xin không bổ sung mặt hàng này vào Danh mục.

(3) Đối với Hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ quốc phòng an ninh thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị, doanh nghiệp quốc phòng an ninh (số thứ tự 26 tại danh mục) tại Dự thảo là giao Bộ Quốc phòng quyết định giá cụ thể; trên cơ sở ý kiến của ĐBQH và của Bộ Công an, nội dung sẽ được chỉnh lý lại để bổ sung thẩm quyền cho Bộ Công an.

(4) Chính lý bổ sung phạm vi định giá của dịch vụ đò, phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước (theo ý kiến của Bộ Giao thông vận tải và một số địa phương).

(5) Chính lý thu hẹp phạm vi định giá đối với “dịch vụ trông, giữ xe” thành “dịch vụ trông, giữ xe **được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước**” theo ý kiến của một số địa phương

(6) Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, trên cơ sở ý kiến của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, đã chỉnh lý bổ sung lại một số hàng hóa, dịch vụ đã đề xuất đưa ra khỏi phạm vi Nhà nước định giá theo Dự thảo kỳ 4 trở lại Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá gồm: Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng; dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán qua đấu giá; Dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước...

(6) Bộ Công Thương có đề xuất bổ sung giá khí thiên nhiên vận chuyển bằng đường ống cho sản xuất điện. Đối với đề xuất này, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo thống nhất bổ sung vào Danh mục.

Một số nội dung chỉnh lý chi tiết khác về tên hàng hóa, dịch vụ, thẩm quyền, hình thức cụ thể tại bản so sánh dự thảo Luật kèm theo. Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo đã phối hợp làm việc với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để chỉnh lý, hoàn thiện nội dung này và bổ sung thêm “*Báo cáo đánh giá chi tiết về các hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá*” để làm rõ thêm các nội dung đã thay đổi so với dự thảo kỳ 4 và đánh giá tác động chi tiết.

10.10. Một số ý kiến đề nghị quy định cụ thể hơn về tiêu chí hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá; đề nghị làm rõ nội hàm khái niệm “thị trường cạnh tranh hạn chế”. Có ý kiến đề nghị quy định rõ thế nào là “tài nguyên quan trọng”

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Tiêu chí để xác định hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá hiện được quy định chi tiết tại Điều 21. So với Luật hiện hành đã bổ sung thêm tiêu chí “*Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu có tính chất độc quyền trong mua bán hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế và ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, đời sống người dân, hoạt động sản xuất kinh doanh.*”⁵³. Đối với hàng hóa, dịch vụ thị trường cạnh tranh

⁵³ Điểm d khoản 1 Điều 21 dự thảo kỳ 5

hạn chế, xin báo cáo cho thực hiện theo quy định tại Luật Cạnh tranh, không quy định chi tiết tại Luật này.

Đối với quy định về tài nguyên quan trọng, tiếp thu ý kiến ĐBQH, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo đã chỉnh lý tại điểm b khoản 1 Điều 21 Dự thảo Luật để làm rõ như sau: “*Tài nguyên quan trọng theo quy định của pháp luật về tài nguyên*”. Như vậy, tài nguyên quan trọng được hiểu theo quy định của pháp luật liên quan như Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Luật Tài nguyên nước, Luật Khoáng sản...

10.11. Có ý kiến đề nghị quy định bổ sung Trung tâm định giá quốc gia, Trung tâm định giá khu vực, địa phương

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Việc thành lập các trung tâm định giá/thẩm định giá được thực hiện từ giai đoạn trước đây (trước 2007), thời gian đầu hoạt động khá hiệu quả, nhưng sau khi UBNDTVQH ban hành Pháp lệnh giá 2002 đã chuyển sang hình thức doanh nghiệp thẩm định giá. Trong bối cảnh hiện nay vai trò của các trung tâm định giá/thẩm định giá là không còn cần thiết, phát sinh bộ máy không cần thiết. Do đó, xin không quy định nội dung này tại Dự thảo Luật.

11. Về hiệp thương giá (Từ Điều 25 đến Điều 27)

11.1. Một số ý kiến đề nghị cần làm rõ hơn vai trò của Nhà nước trong hiệp thương giá. Có ý kiến cho rằng, trong điều kiện hiện nay không nên quy định về chính sách hiệp thương giá; có ý kiến đề nghị việc hiệp thương giá của Nhà nước là không nên bắt buộc.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Biện pháp hiệp thương giá là cơ chế trung gian nhằm xử lý tình huống có vướng mắc về giá trong một số trường hợp gắn với các điều kiện cụ thể, nhằm tạo thuận lợi cho các bên, hiện đã có từ Pháp lệnh giá, Luật Giá 2012. Theo quy định hiện hành thì việc hiệp thương theo đề nghị của bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai bên mua bán; hoặc trong trường hợp theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Dự thảo Luật Giá (sửa đổi) đã bỏ quy định trường hợp theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Như vậy, cơ chế hiệp thương giá được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của hai bên mua bán.

Trong quá trình soạn thảo Luật cũng có ý kiến đề nghị xem xét bỏ cơ chế hiệp thương. Tuy nhiên sau khi rà soát đánh giá kỹ cho thấy nếu bỏ cơ chế này thì nếu phát sinh trường hợp các doanh nghiệp không thống nhất được giá của một số hàng hóa đặc thù (cả 2 bên mua bán phụ thuộc lẫn nhau, khó có hàng hóa thay thế kịp thời) sẽ không có cơ chế để khắc phục. Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo đã thảo luận kỹ lưỡng và thống nhất cần tiếp tục giữ cơ chế hiệp thương giá tại Luật để bảo đảm đủ cơ chế triển khai nếu có phát sinh.

Do đó, xin cho tiếp tục kế thừa Luật hiện hành để sửa đổi hoàn thiện một số quy định chi tiết nhằm đảm bảo thuận lợi cho khâu tổ chức thực hiện, cụ thể tại các Điều 25, 26, 27 dự thảo kỳ 5.

11.2. Có ý kiến đề nghị bổ sung chủ thể chịu trách nhiệm về mức giá trong trường hợp bên mua và bên bán không thỏa thuận được mức giá; một số ý kiến đề nghị xem xét lại các quy định về thẩm quyền quyết định giá hiệp thương khi các bên không thương lượng được.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Về việc quy định việc xác định giá trong các trường hợp các bên không thỏa thuận được mức giá đã được quy định từ Luật Giá hiện hành. Qua quá trình tổng kết, đánh giá cho thấy vẫn cần thiết vai trò của cơ quan tổ chức hiệp thương phải quyết định giá để hai bên thực hiện trong một giới hạn điều kiện nhất định. Tiếp thu ý kiến ĐBQH, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo thống nhất chỉnh lý lại nội dung khoản 5 Điều 27⁵⁴ Dự thảo Luật để phù hợp với thực tiễn, gắn trách nhiệm thực hiện mức giá của các bên khi cơ quan hiệp thương đã quyết định giá.

12. Về kê khai giá, niêm yết giá, tham chiếu giá (từ Điều 28 đến Điều 30)

12.1. Một số ý kiến cho rằng quy định về kê khai giá còn chung chung; đề nghị có quy định hướng dẫn cụ thể về danh mục các mặt hàng kê khai giá và hướng dẫn ban hành về quy cách, tiêu chuẩn những mặt hàng cần thực hiện kê khai giá. Nguyên tắc xác định danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai, nội dung kê khai, đối tượng kê khai và trên cơ sở đó giao Chính phủ quy định chi tiết để thực hiện (trong đó có danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai) sẽ bảo đảm tính linh hoạt phù hợp với chức năng điều hành của Chính phủ

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Kê khai giá là một biện pháp quản lý giá gián tiếp và cũng được các nước sử dụng phổ biến; ví dụ như tại Úc cũng có quy định về việc thông báo giá khi có thay đổi về giá các hàng hóa, dịch vụ hạ tầng, năng lượng... Theo quy định thì biện pháp kê khai giá chỉ dừng ở tiếp nhận thông tin, nắm bắt diễn biến giá để có giải pháp ứng phó kịp thời, thẩm quyền quyết định giá là thuộc doanh nghiệp. Tuy nhiên, so với Luật hiện hành thì tại Luật sửa đổi thời điểm kê khai sau khi doanh nghiệp quyết định giá thay cho việc phải kê khai trước, tạo thuận

⁵⁴ Trong trường hợp bên mua và bên bán không ~~thương lượng~~ thỏa thuận được mức giá và tiếp tục đề nghị cơ quan hiệp thương giá ~~quyết định giá hiệp thương để hai bên thực hiện~~ thì cơ quan hiệp thương giá lập biên bản để các bên ký ghi nhận nội dung hội nghị hiệp thương giá. Bên bán có trách nhiệm lập phương án giá ~~hiệp thương~~, lấy ý kiến bên mua để và tổng hợp gửi cơ quan hiệp thương giá ~~rà soát, đánh giá, xem xét ban hành văn bản quyết định giá hiệp thương để hai bên thực hiện~~. Việc ban hành ~~Quyết định giá hiệp thương được thực hiện như việc ban hành Quyết định giá hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá~~. Các đơn vị có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu để cơ quan hiệp thương thực hiện định giá. ~~theo quy định. Quyết định giá Văn bản định giá của cơ quan tổ chức~~ hiệp thương chỉ được áp dụng một lần cho đúng đối tượng đề nghị hiệp thương, theo đúng vụ việc mua, bán, khối lượng hàng hóa, dịch vụ đã được các bên thống nhất tại văn bản đề nghị và không có giá trị để áp dụng cho các trường hợp khác. **Bên mua và bên bán chịu trách nhiệm tuân thủ mức giá do cơ quan tổ chức hiệp thương ban hành.**

lợi cho việc thực hiện, nâng cao hiệu quả của hoạt động. Để triển khai biện pháp kê khai thì có những nội dung mang tính nghiệp vụ, quy trình nên tại dự thảo Luật chỉ thiết kế một điều đề quy định những vấn đề về nguyên tắc chung để tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện.

Do đó, xin được giữ các quy định như Dự thảo và giao Chính phủ quy định các vấn đề chi tiết liên quan đến tổ chức thực hiện.

12.2. Một số ý kiến cho rằng, việc bổ sung thêm hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá sẽ làm tăng thêm thủ tục hành chính, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; Có ý kiến đề nghị không áp dụng kê khai đối với các hộ kinh doanh nhỏ lẻ.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Theo quy định của Luật Giá hiện hành và Luật sửa đổi tiếp tục kế thừa thì kê khai giá là một biện pháp cung cấp thông tin và có tính nghiệp vụ, không phải thủ tục hành chính. Đối với các đối tượng phải kê khai giá, Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo thống nhất chỉnh lý lại nội dung về đối tượng kê khai tại khoản 3 Điều 28 Dự thảo Luật như sau: **“Đối tượng kê khai giá là tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có đăng ký kinh doanh theo quy định tại pháp luật về doanh nghiệp và có quyền quyết định giá; thuộc danh sách do cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận kê khai thông báo”**. Theo đó bảo đảm các đối tượng kinh doanh nhỏ lẻ sẽ không phải thực hiện kê khai mà chỉ hướng đến các đối tượng lớn, có quyền quyết định giá.

12.3. Có ý kiến đề nghị cần quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong kê khai giá

Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo cho rằng, để bảo đảm chặt chẽ, minh bạch, việc quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong kê khai giá là cần thiết. Do vậy, thống nhất chỉnh lý tại khoản 5 Điều 28 Dự thảo Luật: **“Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng kê khai giá tự quyết định giá hàng hóa, dịch vụ và có trách nhiệm kê khai giá lần đầu và kê khai lại giá ngay sau khi quyết định giá theo quy định và chịu trách nhiệm về mức giá, nội dung kê khai giá của mình. Cơ quan tiếp nhận kê khai có trách nhiệm cập nhật thông tin giá kê khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; được sử dụng mức giá kê khai trong công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường theo quy định; được yêu cầu các tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá báo cáo một số yếu tố hình thành giá gây tác động đến việc điều chỉnh giá để làm cơ sở thực hiện các biện pháp quản lý, điều tiết giá.”**. Ngoài ra, trách nhiệm kiểm tra của cơ quan quản lý đã được quy định tại Chương 7 về thanh tra chuyên ngành về giá, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá.

12.4. Có ý kiến đề nghị cần tính toán, điều chỉnh cơ chế quản lý đối với vấn đề niêm yết giá (ví dụ: ở sân bay một số mặt hàng có giá niêm yết quá cao, sẽ ảnh hưởng tới việc người dân sử dụng dịch vụ); đồng thời cũng quản lý vấn đề phí phụ thu vào các dịp lễ, tết.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Niêm yết là một hình thức để công khai thông tin, không điều chỉnh về việc niêm yết giá cao hay thấp. Việc quyết định giá là quyền của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo cơ chế thị trường. Do đó, xin không quy định về việc quản lý đối với giá do doanh nghiệp tự niêm yết mà chỉ quy định về việc niêm yết đúng theo quy định.

Đối với vấn đề phụ thu trong các dịp lễ, Tết là một vấn đề thực tiễn do trong các dịp này các doanh nghiệp kinh doanh vận tải thường phải chạy 1 chiều rỗng nên có các quy định thêm về phụ thu chiều còn lại nhằm bù đắp chi phí. Thực tế hiện nay vấn đề này cũng được các địa phương tăng cường giám sát để đảm bảo đúng các quy định của pháp luật về vận tải, pháp luật có liên quan.

12.5. Nhiều ý kiến cho rằng quy định về giá niêm yết phải gắn với số lượng hoặc khối lượng hàng hóa, dịch vụ cụ thể và nhiều thông tin khác về thông số kỹ thuật... sẽ gây khó khăn cho nhà cung cấp hàng hóa.

Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu, chỉnh lý và thể hiện tại khoản 2 Điều 29: “*Giá niêm yết được gắn với số lượng hoặc khối lượng hàng hóa, dịch vụ phù hợp, các thông tin khác (nếu có) về đặc điểm kỹ thuật cơ bản, xuất xứ, phương thức mua bán; khuyến khích in trực tiếp lên bao bì của sản phẩm*”. Theo đó các thông tin về đặc điểm kỹ thuật cơ bản, xuất xứ, phương thức mua bán sẽ không bắt buộc phải có mà tùy theo điều kiện thực tế để đảm bảo thực tiễn; tuy nhiên đối với các thông tin về số lượng, khối lượng hàng hóa, dịch vụ vẫn cần phải được niêm yết nhằm đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng, tăng cường minh bạch, văn minh thương mại.

12.6. Nhiều ý kiến băn khoăn về giá trị, tính khả thi của giá tham chiếu; cần quy định cụ thể hơn về giá tham chiếu; quy định hàng hóa, dịch vụ cho doanh nghiệp quyết định theo giá tham chiếu là không thống nhất với quy định tại Khoản 2 Điều 33 của Dự thảo Luật.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Giá tham chiếu là quy định mới, tuy nhiên trên thế giới đang áp dụng khá rộng rãi vì thông qua mức giá tham chiếu để điều hành giá cho các giao dịch mua bán cụ thể. Qua đó, một mặt vẫn có sự quản lý có tính gián tiếp, một mặt vẫn tập trung quyền và tạo chủ động cho các doanh nghiệp trong tự quyết định giá. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy tại Hy Lạp sử dụng giá tham chiếu trong quản lý giá thuốc, mức giá tham chiếu được xác định trên cơ sở thực hiện các mức giá bán thấp nhất tại thị trường châu Âu để trên cơ sở đó các doanh nghiệp trong nước quyết định giá bán xoay quanh giá tham chiếu. Hoặc đối với mặt hàng xăng dầu, các doanh nghiệp đàm phán giá mua – bán xoay quanh giá tham chiếu của hãng tin Platt Singapore công bố; trên cơ sở đó giá cơ sở xăng dầu cũng được tính theo giá tham chiếu Platt Singapore. Hoặc đối với mặt hàng gas, các doanh nghiệp trong nước đang xác định giá bán xoay quanh giá tham chiếu PC (Price contract).

Từ những vấn đề nêu trên cho thấy sự cần thiết của việc bổ sung quy định về giá tham chiếu tại Luật để có cơ sở pháp lý cho việc triển khai áp dụng trong

thời gian tới. Hiện nay, đối với mặt hàng than bán cho sản xuất điện thì theo quy định hiện hành do các doanh nghiệp tự thỏa thuận quyết định giá và kê khai với cơ quan nhà nước. Tuy nhiên thực tế cũng có vướng mắc trong khâu đàm phán giá giữa doanh nghiệp sản xuất kinh doanh than với EVN hoặc các nhà máy điện trong thời gian qua đã phát sinh phải hiệp thương giá. Trong bối cảnh hiện nay, khi có phát sinh nguồn than nhập khẩu pha trộn với than trong nước bán cho sản xuất điện, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo nghiên cứu áp dụng chỉ số giá tham chiếu bán cho sản xuất điện để có cơ sở hai bên có căn cứ đàm phán giá mua – bán.

Giá tham chiếu là nội dung mới nên trình Quốc hội cho quy định một Điều có tính nguyên tắc như trong Dự thảo và để phù hợp với thực tế, xin được giao Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành. Tiếp thu ý kiến ĐBQH, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo thống nhất quy định tại khoản 1 Điều 30 Dự thảo kỳ 5 như sau: *“Giá tham chiếu là mức giá của hàng hóa, dịch vụ tại thị trường trong nước hoặc quốc tế do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công bố để các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng làm cơ sở quyết định giá mua, bán hàng hóa, dịch vụ”*.

12.7. Có ý kiến đề nghị tách thành 02 nội dung về giá tham chiếu, trong đó có 01 giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố để phục vụ việc mua sắm công và 01 giá tham chiếu phục vụ các tổ chức, cá nhân tự quyết định giá của mình

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Đối với việc mua, bán tài sản công, Luật Đấu thầu đã quy định các căn cứ, phương thức xác định giá đối với việc mua sắm từ nguồn vốn nhà nước; Luật Đấu giá đã quy định về vấn đề xác định giá khởi điểm trong đấu giá. Bên cạnh đó, tại dự thảo Luật cũng đã có điều chỉnh nhất định đối với phương thức thực hiện xác định giá trong một số trường hợp này theo dịch vụ vụ thẩm định giá (của doanh nghiệp thẩm định giá) hoặc thẩm định giá của Nhà nước. Do vậy, xin không quy định nội dung về giá tham chiếu phục vụ công tác mua, bán tài sản công mà chỉ quy định về việc áp dụng giá tham chiếu làm cơ sở cho tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tự quyết định giá bán hàng hóa, dịch vụ của mình.

13. Về thẩm định giá

13.1. Có ý kiến đề nghị quy định rõ về tính pháp lý của kết quả thẩm định giá trong các trường hợp. Có ý kiến đề nghị cần đặt ra yêu cầu thẩm định lại các kết luận của các doanh nghiệp cung cấp kết quả thẩm định giá trong những trường hợp có dấu hiệu bất thường, có thể ảnh hưởng đến lợi ích chung của Nhà nước hoặc ảnh hưởng đến người dân.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá là hoạt động tư vấn xác định giá trị bằng tiền của tài sản trên cơ sở giao kết hợp đồng dân sự giữa doanh nghiệp thẩm định giá và khách hàng thẩm định giá, điều này cũng đã

được Chủ tịch Quốc hội đánh giá như là hoạt động “*bán lời khuyên*”. Việc sử dụng hoặc không sử dụng kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá là quyền của khách hàng- những người sở hữu tài sản hoặc có quyền đối với tài sản; kết quả thẩm định giá không mang tính chuẩn mực buộc các bên thực hiện mà chỉ là một trong những cơ sở để các bên xem xét, quyết định, phê duyệt giá tài sản. Tương tự đối với một số hoạt động tư vấn khác như đấu giá, kiểm toán, kế toán và luật sư thì việc quản lý được thực hiện thông qua quản lý các điều kiện hoạt động và bộ công cụ chuẩn mực về chuyên môn. Trường hợp có dấu hiệu sai phạm về tuân thủ chuẩn mực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp sẽ có kiểm tra giám sát việc tuân thủ và xử lý sai phạm (đã được quy định tại chương 7 về thanh tra chuyên ngành về giá, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá). Theo đó, nếu doanh nghiệp thẩm định giá không tuân thủ các quy định về thẩm định giá trong quá trình thực hiện dẫn đến kết quả thẩm định giá gây thiệt hại cho khách hàng thẩm định giá thì phải chịu trách nhiệm về: (1) Trách nhiệm dân sự: có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại; (2) Trách nhiệm hành chính: bị xử phạt, tước thẻ, thu hồi thẻ, đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép...; (3) Trách nhiệm hình sự: bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật về hình sự.

Từ những vấn đề nêu trên xin báo cáo cho thực hiện theo cơ chế như hiện hành.

13.2. Một số ý kiến đề nghị thống nhất các quy định về thẩm định giá và thuật ngữ “tiêu chuẩn thẩm định” cần phù hợp với quy định pháp luật khác như Luật Tiêu chuẩn chất lượng.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Hoạt động thẩm định giá đã được quy định cụ thể tại Điều 40 Dự thảo Luật, theo đó đã làm rõ hoạt động thẩm định giá gồm hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định do doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện và hoạt động thẩm định giá của Nhà nước do Hội đồng thẩm định giá thực hiện. Các nội dung tại Chương VI (gồm 3 Mục, 27 Điều) đã quy định toàn diện về hoạt động thẩm định giá để thống nhất thực hiện đối với cả hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá và Hội đồng thẩm định giá.

Về việc sử dụng thuật ngữ, tiếp thu ý kiến ĐBQH, qua nghiên cứu rà soát Luật Tiêu chuẩn chất lượng, Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo đã rà soát, chỉnh sửa thuật ngữ “*tiêu chuẩn thẩm định*” thành “**chuẩn mực thẩm định**” (tại Điều 42 và đồng bộ tại các nội dung liên quan trong dự thảo Luật) để tương đồng với chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán và đảm bảo không chòng chéo với quy định tại Luật Tiêu chuẩn chất lượng. Trên cơ sở đó, việc thẩm định giá được thực hiện thống nhất theo các chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam (hiện hệ thống chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam đã được ban hành đầy đủ, đồng bộ gồm 13 chuẩn mực); đồng thời bổ sung thêm quy định chuyên tiếp⁵⁵ để đảm bảo

⁵⁵ Khoản 4 Điều 74 dự thảo Luật: “*Các Tiêu chuẩn thẩm định giá đã được ban hành theo quy định của Luật giá số 11/2012/QH13 được công nhận là Chuẩn mực thẩm định giá theo quy định tại Điều 42 Luật này và tiếp tục được áp dụng cho đến khi có Chuẩn mực thẩm định giá thay thế được ban hành hoặc tối đa cho đến ngày 01 tháng 07 năm 2025.*”

tính khả thi trong triển khai Luật.

13.3. Có ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc làm cơ sở phân chia thẩm định viên về giá theo loại tài sản, lĩnh vực định giá cụ thể;

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Tại Dự thảo Luật quy định hai lĩnh vực thẩm định giá là tài sản và doanh nghiệp, gắn với đó là thẩm định viên về giá theo loại tài sản và lĩnh vực hoạt động; vấn đề này đã được tổng kết, đánh giá từ thực tiễn và được xây dựng là một chính sách để bổ sung hoàn thiện Luật nhằm giảm các chi phí xã hội, tăng cường chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa đối với hoạt động thẩm định giá. Việc hướng dẫn chi tiết sẽ được quy định cụ thể tại các văn bản dưới Luật; do đó, xin được giữ nội dung này như Dự thảo.

13.3. Có ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc khi xây dựng kết quả thẩm định giá và cần phải quy định cụ thể việc công khai kết quả thẩm định giá.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, đối với việc công khai kết quả thẩm định giá, tại Điều 55 về Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá đã bổ sung làm rõ quy định “*Chứng thư thẩm định giá phải được cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá trừ trường hợp tài sản thuộc danh mục tài sản bí mật nhà nước.*”; về thẩm định giá của Nhà nước, tại điểm c khoản 2 Điều 61 cũng đã quy định “*Cập nhật Thông báo kết quả thẩm định giá lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá trừ trường hợp tài sản thuộc danh mục tài sản bí mật nhà nước;*”. Việc cập nhật này đảm bảo phục vụ tốt cho công tác quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá và tăng cường minh bạch trong các thông tin về thẩm định giá.

13.4. Có ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc để có thể áp dụng vào việc thẩm định thương hiệu uy tín của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi đưa vào những đề án liên doanh, liên kết, đặc biệt là trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh sử dụng một thương hiệu tham gia vào nhiều đề án xã hội hóa khác nhau

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Vấn đề ĐBQH nêu là rất cần thiết nhưng nội dung này có tính nghiệp vụ và sẽ được quy định chi tiết tại Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam. Hiện hành tại Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 13 - Thẩm định giá tài sản vô hình (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2014/TT-BTC), Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 12 - Thẩm định giá doanh nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 28/2021/TT-BTC) đã có các quy định được sử dụng để thẩm định giá thương hiệu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Trong thời gian tới sẽ tiếp tục rà soát hoàn thiện các quy định này.

13.5. Có ý kiến đề nghị bỏ khái niệm thẩm định giá, dùng khái niệm dự báo giá

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Thẩm định giá là một hoạt động tư vấn cung cấp dịch vụ và hiện rất phát

triển trên thế giới. Mục đích của hoạt động là sử dụng các phương pháp, công cụ để xác định giá trị của tài sản nhằm tư vấn cho khách hàng đưa ra quyết định về giá của tài sản. Trong hoạt động thẩm định giá, đối với một số loại tài sản như doanh nghiệp, bất động sản thương mại, tài sản vô hình,... khi sử dụng các phương pháp thuộc cách tiếp cận từ thu nhập thì cũng sử dụng kỹ thuật dự báo như dự báo dòng tiền, dự báo kết quả kinh doanh... Vì vậy, trong một số trường hợp kết quả thẩm định giá có tính dự báo. Tuy nhiên, xét về tổng thể của hoạt động và định nghĩa được kế thừa từ Luật Giá hiện hành. Do đó, xin được giữ thuật ngữ “*thẩm định giá*” như Dự thảo.

13.6. Có ý kiến đề nghị quy định về việc đăng ký hành nghề thẩm định giá như Luật hiện hành.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Theo quy định hiện hành thì việc đăng ký hành nghề thẩm định giá của thẩm định viên về giá quy định tại Nghị định số 89/2013/NĐ-CP, Nghị định số 12/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 38/2014/TT-BTC và Thông tư số 60/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính. Theo đó, thẩm định viên về giá thực hiện đăng ký hành nghề thẩm định giá thông qua doanh nghiệp thẩm định giá để được Bộ Tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp thẩm định giá. Quy định tại Dự thảo Luật là kế thừa, nâng quy định này từ Nghị định lên Luật để củng cố tính pháp lý cao hơn. Việc quy định thẩm định viên đăng ký hành nghề qua doanh nghiệp là vì doanh nghiệp thẩm định giá là chủ thể cung cấp dịch vụ thẩm định giá, thẩm định viên không hành nghề với tư cách cá nhân mà gắn với doanh nghiệp thẩm định giá. Tiếp thu ý kiến ĐBQH, để bảo đảm chặt chẽ Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo thống nhất chỉnh lý quy định tại điểm c khoản 1 Điều 45 Dự thảo Luật: “***Có tổng thời gian thực tế làm việc tại các doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá với trình độ Đại học trở lên từ đủ 36 tháng; Trường hợp có bằng đại học trở lên chuyên ngành giá hoặc thẩm định giá theo chương trình định hướng ứng dụng thì tổng thời gian thực tế làm việc tại các doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá từ đủ 24 tháng***”.

13.7. Đề nghị bổ sung đối tượng không được hành nghề thẩm định giá khi đang bị tước thẻ thẩm định viên về giá. Có ý kiến đề nghị bỏ cụm từ “tước thẻ”.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Điểm c khoản 2 Điều 45 Dự thảo Luật trình Quốc hội quy định như sau: “*Người đang bị tước Thẻ thẩm định viên về giá*”. Việc sử dụng cụm từ “*tước thẻ*” là được căn cứ theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính. Tiếp thu ý kiến ĐBQH, Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo thống nhất chỉnh lý quy định tại điểm c khoản 2 Điều 45 Dự thảo Luật như sau: “***Người đang bị tước Thẻ thẩm định viên về giá theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính***”.

Đối với ý kiến đề nghị bỏ cụm từ “*tước thẻ*”, Thường trực Ủy ban TCNS

xin báo cáo như sau: Việc sử dụng cụm từ “*trước thể*” nhằm phù hợp với các quy định pháp luật khác có liên quan về xử lý vi phạm hành chính, do vậy, xin được giữ như Dự thảo.

13.8. Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm về quy trình rà soát và thông báo danh sách thẩm định viên về giá

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, tại khoản 2, khoản 3 Điều 46 Dự thảo Luật đã bổ sung làm rõ hơn về việc thông báo danh sách thẩm định viên về giá. Riêng đối với việc quy định chi tiết quy trình rà soát thông báo danh sách thẩm định về giá là nội dung mang tính kỹ thuật giao Chính phủ quy định chi tiết sẽ phù hợp hơn, do đó, xin được giữ như Dự thảo Luật.

13.9. Có ý kiến đề nghị quy định rõ hơn về nghĩa vụ của thẩm định viên về giá, như: thẩm định viên về giá chịu trách nhiệm trước pháp luật và doanh nghiệp thẩm định giá về tính trung thực, chính xác, khách quan, độc lập của kết quả thẩm định giá, phản ánh đầy đủ quá trình thực hiện vào kết quả thẩm định giá

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, Cơ quan soạn thảo và Cơ quan thẩm tra thống nhất chỉnh lý, bổ sung lại nội dung này và quy định tại điểm b khoản 2 Điều 47 Dự thảo Luật như sau: “*Chịu trách nhiệm về chuyên môn, **tính chính xác, trung thực** trong quá trình thực hiện và **đảm bảo báo cáo thẩm định giá tuân thủ các Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam**”.*

13.10. Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể về chủ thể có thẩm quyền xác định về thời gian làm việc 36 tháng trở lên của thẩm định viên về giá; đề nghị quy định 36 tháng cần lấy theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Dự thảo Luật quy định Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục đăng ký hành nghề thẩm định giá, do đó, chủ thể có thẩm quyền xác định về thời gian làm việc đủ 36 tháng sẽ được quy định tại Nghị định quy định chi tiết. Về căn cứ xác định 36 tháng làm việc thực tế tại doanh nghiệp thẩm định giá được xác định theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp thẩm định giá là một vấn đề được trao đổi, tranh luận khi tổ chức thi hành Nghị định số 89/2013/NĐ-CP và cả trong quá trình soạn thảo Luật Giá sửa đổi. Trong hoạt động thẩm định giá, đang quy định cấm thẩm định viên làm việc đồng thời tại 02 doanh nghiệp thẩm định để bảo đảm tính độc lập của các đơn vị tư vấn; nhưng không cấm đối với trường hợp thẩm định viên đồng thời làm việc cho doanh nghiệp thẩm định giá và doanh nghiệp khác. Tuy nhiên, để loại trừ những phát sinh chủ quan, tiêu cực, Luật cũng có quy định cấm đối với trường hợp thực hiện thẩm định giá cho các đối tượng có liên quan. Vì vậy, việc lấy mốc thời gian theo đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp thẩm định giá sẽ không phù hợp với trường hợp này vì thời gian đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp thẩm định giá không đồng nhất với thời gian làm việc thực tế tại doanh nghiệp

thẩm định giá trong trường hợp người lao động được đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp khác. Do đó, xin được giữ nội dung này như Dự thảo.

13.11. Có ý kiến đề nghị quy định nội dung nâng cao chất lượng kỳ thi thẩm định viên về giá để đánh giá đúng người có chuyên môn, có đạo đức nghề nghiệp thay vì hạn chế người được tham gia.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Việc nâng cao chất lượng kỳ thi thẩm định viên về giá là một trong những nội dung sẽ được củng cố thông qua phương thức, nội dung thi và sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ Tài chính. Đề nghị Cơ quan soạn thảo ghi nhận đầy đủ ý kiến của ĐBQH để hoàn thiện trong quá trình xây dựng các văn bản dưới Luật.

13.12. Có ý kiến không nên giới hạn các cơ quan, các cơ sở đào tạo kiến thức chuyên môn để cấp thẻ hành nghề định giá mà nên mở ra các cơ sở đào tạo đủ điều kiện để đào tạo trong lĩnh vực này

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Tại Dự thảo Luật quy định giao Bộ Tài chính quy định về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức nghiệp vụ thẩm định giá (điểm b khoản 10 Điều 14). Hiện hành thì tại Thông tư số 204/2014/TT-BTC, Thông tư số 11/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá cũng không giới hạn cơ sở đào tạo kiến thức chuyên môn về thẩm định giá. Dự thảo Luật đang tiếp tục kế thừa và củng cố hoạt động này.

13.13. Một số ý kiến đề nghị Bộ Tài chính không thực hiện cấp trực tiếp thẻ thẩm định viên về giá mà giao cho doanh nghiệp kinh doanh đã được Bộ Tài chính cho phép.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Thẻ thẩm định viên về giá là chứng nhận chuyên môn trong lĩnh vực thẩm định giá là điều kiện quan trọng để công nhận một người là thẩm định viên về giá, đồng thời cũng là điều kiện để xem xét cấp, đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá. Với tầm quan trọng như vậy, để bảo đảm chất lượng, đồng bộ trong quản lý thẩm định viên về giá và doanh nghiệp thẩm định giá thì với tình hình phát triển của nghề thẩm định giá nước ta hiện nay việc cấp thẻ thẩm định viên về giá vẫn cần thiết do cơ quan nhà nước thực hiện. Việc quy định cơ quan nhà nước cấp Thẻ thẩm định viên về giá cũng phù hợp với thông lệ của một số quốc gia trên thế giới. Theo khảo sát và nghiên cứu của cơ quan soạn thảo, tại các nước phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ả rập xê út và một số nước có nghề thẩm định giá phát triển trong khu vực Đông Nam Á như Malaysia, Indonesia, cơ quan quản lý nhà nước giữ chức năng cấp chứng chỉ hành nghề cho các thẩm định viên về giá (license) (tương tự với Thẻ thẩm định viên về giá của Việt Nam). Do đó, xin được giữ nội dung này như Dự thảo.

13.14. Có ý kiến đề nghị làm rõ lý do nâng điều kiện số lượng thẩm định

viên tại doanh nghiệp thẩm định giá từ 3 đến ít nhất là 5 người; cần nhắc không nên tăng số lượng thẩm định viên, mà cần nâng cao chất lượng thẩm định viên.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Việc điều chỉnh các quy định về số lượng thẻ thẩm định viên tối thiểu tại doanh nghiệp (từ 3 lên 5 thẩm định viên) và chi nhánh doanh nghiệp (từ 2 lên 3 thẩm định viên) bên cạnh việc làm tăng quy mô của doanh nghiệp, qua đánh giá cũng góp phần nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định giá vì lý do: Thẩm định viên về giá không hành nghề độc lập mà đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp thẩm định giá, thẩm định viên không thể phát hành Chứng thư độc lập mà là Chứng thư thẩm định giá do doanh nghiệp phát hành; khi số lượng thẩm định viên tại doanh nghiệp tăng lên cũng có nghĩa là khối lượng công việc bình quân của thẩm định viên tại doanh nghiệp giảm đi tạo điều kiện thẩm định viên có thời gian, tập trung vào nhiệm vụ được giao; hơn nữa khi số lượng thẩm định viên tại doanh nghiệp tăng sẽ giúp doanh nghiệp xây dựng được quy trình kiểm soát chất lượng đầy đủ và bài bản hơn, qua đó chất lượng sẽ được củng cố. Theo số liệu đăng ký hành nghề từ đầu năm 2022, có 279 doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, trong đó có hơn một trăm doanh nghiệp có số lượng thẩm định viên dưới 5; các doanh nghiệp này về nguyên tắc cần phải có thời gian và chi phí để bồi dưỡng, đào tạo hoặc tuyển dụng thêm để đáp ứng điều kiện về số lượng thẩm định viên. Tuy nhiên, với số lượng thẩm định viên đăng ký hành nghề đầu năm 2022 mới chỉ là 1.462 thẩm định viên, trong khi đó tổng số người đã được cấp thẻ thẩm định viên đến thời điểm hiện nay là 2.352 người thì việc tuyển dụng bổ sung thêm thẩm định viên tại các doanh nghiệp đang có số lượng thẩm định viên dưới 5 không phải là vấn đề phức tạp và kinh phí phát sinh thực tế không lớn, mặt khác Luật sửa đổi khi chính thức được ban hành cũng sẽ có thời gian chuyển tiếp để các doanh nghiệp hoàn thiện các điều kiện nên sẽ không tạo áp lực với kinh phí thường xuyên của đơn vị.

13.15. Có ý kiến đề nghị cần nhắc quy định về Hội nghề nghiệp về thẩm định giá, cần đánh giá tác động, xác định vai trò, vị trí, quyền hạn của Hiệp hội này bảo đảm cụ thể hơn

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Việc quy định rõ vai trò, vị trí, quyền hạn của Hội nghề nghiệp sẽ giúp cho các hoạt động của Hội bảo đảm cơ sở pháp lý cũng như rõ ràng, minh bạch hơn. Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo thống nhất, chỉnh lý nội dung này tại Điều 43 Dự thảo kỳ 5⁵⁶ theo hướng tiếp tục kế thừa quy định tại Luật Giá hiện hành và bổ sung thêm quy định được thực hiện các hoạt động liên quan đến thẩm định giá theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Khi Luật sửa đổi có hiệu lực và gắn với chủ trương về củng cố, kiện toàn các hội nghề nghiệp theo hướng tăng cường xã hội hóa một số nhiệm vụ của cơ

⁵⁶ 2. Hội nghề nghiệp về thẩm định giá được tổ chức đào tạo nghiệp vụ về thẩm định giá, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn về thẩm định giá, cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học và thực hiện các hoạt động liên quan đến thẩm định giá theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

quan quản lý nhà nước.

13.16. Có ý kiến đề nghị xem xét bổ sung, hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp, thủ tục, trình tự giải quyết tranh chấp. Kết quả thẩm định giá giữa doanh nghiệp thẩm định giá và khách hàng thẩm định giá được tiến hành theo thủ tục tố tụng của Tòa trọng tài và Tòa án do pháp luật quy định.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Hoạt động thẩm định giá được các bên giao kết trên cơ sở hợp đồng dân sự và khi phát sinh tranh chấp thì cũng tương tự các giao dịch dân sự khác sẽ được giải quyết theo quy định hiện hành. Do đó, xin giữ nội dung này như Dự thảo. Nội dung này được quy định tại Điều 58 Dự thảo Luật.

13.17. Có ý kiến đề nghị quy định chi tiết về mức chi phí dịch vụ thẩm định giá tài sản cụ thể cho một số mục đích hoặc một số loại tài sản nhất định.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Giá dịch vụ thẩm định không đáp ứng tiêu chí hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, do đó, nên thực hiện theo cơ chế thị trường, để hạn chế các hành vi thu giá dịch vụ quá thấp, không bảo đảm chất lượng dịch vụ, tại Điều 57 Dự thảo Luật đã quy định các nguyên tắc trong việc xác định giá dịch vụ thẩm định giá.

13.18. Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định không cho phép người từng có chức vụ, quyền hạn quản lý Nhà nước về giá thành lập công ty thẩm định giá

Để bảo đảm tính thống nhất với Luật Cán bộ, công chức, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định khác liên quan, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và thể hiện tại khoản 2 Điều 48 Dự thảo Luật: “Doanh nghiệp thẩm định giá không được thành lập bởi người có chức vụ, quyền hạn hoặc bố trí các chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp cho người có chức vụ, quyền hạn thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về giá sau khi thôi giữ chức vụ trong thời hạn theo quy định của Bộ Tài chính”

13.19. Có ý kiến đề nghị nghiên cứu lại điều kiện bằng cấp tốt nghiệp cho người tham dự kỳ thi thẩm định viên. Có ý kiến đề nghị cần rà soát các quy định nhằm khuyến khích phát triển nghề thẩm định giá tại Việt Nam, bảo đảm cơ sở pháp lý; đồng thời quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của thẩm định viên về giá.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Điểm b khoản 2 Điều 46 Dự thảo kỳ 4 quy định như sau: “Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các nhóm ngành về kinh tế, kỹ thuật, luật theo quy định của pháp luật”. Trên cơ sở ý kiến của ĐBQH cho thấy không cần thiết phải quy định giới hạn nhóm ngành nghề khi đã có bằng tốt nghiệp đại học. Tài sản thẩm định giá rất phong phú và đa dạng đòi hỏi thẩm định viên có kiến thức rộng, do đó, các ngành nghề đào tạo đều có tác dụng hỗ trợ cho hoạt động thẩm định giá.

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, nhằm khuyến khích phát triển nghề thẩm định giá, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo thống nhất chỉnh lý quy định tại điểm b khoản 2 Điều 44 Dự thảo kỳ 5 về điều kiện dự thi cấp Thẻ thẩm định viên về giá theo hướng nói rộng điều kiện về bằng đại học chuyên môn được dự thi, cụ thể: *“Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các nhóm ngành về kinh tế, kỹ thuật, luật theo quy định của pháp luật;”*. Đồng thời, nhằm khuyến khích hoạt động định hướng nghề nghiệp, tại điểm c khoản 1 Điều 45 Dự thảo Luật đã quy định đối với trường hợp có bằng đại học trở lên chuyên ngành giá hoặc thẩm định giá theo chương trình định hướng ứng dụng sẽ được rút ngắn thời gian xét điều kiện làm việc để đăng ký hành nghề xuống 24 tháng so với các đối tượng khác đang là 36 tháng; thực tế những người có bằng đại học chuyên ngành giá hoặc thẩm định giá theo chương trình định hướng ứng dụng theo quy định đã có thời gian học tập, làm việc thực tế tại các doanh nghiệp về chuyên môn, nghiệp vụ.

Bên cạnh đó, để bảo đảm cơ sở pháp lý, quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của thẩm định viên về giá; tiếp thu ý kiến ĐBQH tại dự thảo Luật đã củng cố và làm rõ hơn về quyền và nghĩa vụ của thẩm định viên về giá (Điều 47 Dự thảo Luật), quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá (Điều 53 Dự thảo Luật), cũng như quy định rõ hơn về các điều cấm đối với thẩm định viên về giá (khoản 4 Điều 7 Dự thảo Luật), điều cấm đối với doanh nghiệp thẩm định giá (khoản 3 Điều 7 Dự thảo Luật) để đảm bảo minh bạch trong việc triển khai các hoạt động thẩm định giá, giảm thiểu các sai phạm.

14. Về thẩm định giá của Nhà nước

14.1. Có ý kiến đề nghị hạn chế tối đa việc thành lập Hội đồng thẩm định giá, chỉ thành lập trong trường hợp phải thực hiện giám định tư pháp hoặc trong trường hợp không thuê được hàng hóa hoặc không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Luật Giá hiện hành và Dự thảo Luật sửa đổi không có quy định bắt buộc các trường hợp cụ thể phải thẩm định giá nhà nước. Luật chỉ quy định cơ chế thực hiện thẩm định giá Nhà nước trong các trường hợp. Như vậy, cơ sở pháp lý để xác định các trường hợp phải thẩm định giá của Nhà nước là phải theo pháp luật chuyên ngành. Bên cạnh đó, kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá của Nhà nước mang tính chất tư vấn cho người có thẩm quyền xem xét, quyết định, hoạt động này cũng tương tự với vai trò tham mưu trong thực thi công vụ. Hoạt động thẩm định giá được thực hiện nhằm cung cấp thêm thông tin cho người có quyền quyết định giá tài sản. Do đó, kết quả thẩm định giá không mang tính bắt buộc phải thực hiện mà chỉ là một trong những cơ sở để các bên xem xét, quyết định, phê duyệt giá tài sản và Hội đồng phải chịu trách nhiệm kết quả thẩm định giá bảo đảm tuân thủ chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam. Tiếp thu ý kiến ĐBQH, để bảo đảm chặt chẽ, minh bạch, Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo thống nhất chỉnh lý và quy định về phạm vi thẩm định giá Nhà

nước tại Điều 59⁵⁷ và bổ sung làm rõ nhiều quy định liên quan đến Hội đồng thẩm định giá Nhà nước tại Điều 60⁵⁸ Dự thảo Luật.

14.2. Có ý kiến cho rằng, quy định về trách nhiệm trong thẩm định giá của nhà nước còn chưa rõ ràng; đề nghị bổ sung quy định vai trò, nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định giá Nhà nước, đối tượng cụ thể của thẩm định giá Nhà nước

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Về hoạt động thẩm định giá của Nhà nước thì Luật không đặt ra các trường hợp cụ thể phải thẩm định giá, mà quy định về mặt nguyên tắc và đưa ra cơ chế thực hiện thẩm định giá của Nhà nước. Nếu liệt kê tại Luật Giá các trường hợp phải thẩm định giá của Nhà nước thì sẽ bị bó hẹp, không đầy đủ. Do đó, các trường hợp cụ thể phải thẩm định giá của Nhà nước sẽ theo pháp luật chuyên ngành và phân cấp, phân quyền của các Bộ, ngành và địa phương. Đối với trách nhiệm của Hội đồng thẩm định giá Nhà nước, kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá Nhà nước mang tính chất tư vấn cho người có thẩm quyền xem xét, quyết định, hoạt động này cũng tương tự với vai trò tham mưu trong

⁵⁷ “Điều 59. Hoạt động thẩm định giá của Nhà nước

2. Thẩm định giá của Nhà nước thực hiện trong các trường hợp sau:

a. Bán, cho thuê, liên doanh, liên kết tài sản công mà pháp luật quản lý sử dụng tài sản công quy định phải thẩm định giá của Nhà nước;

b. Các trường hợp mua, đi thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước mà cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt giá theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đấu thầu lựa chọn phương thức thẩm định giá của nhà nước trong các phương thức được quy định làm căn cứ xác định giá;

e. Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước và các trường hợp Luật khác quy định phải thẩm định giá của Nhà nước.

1. Thẩm định giá của Nhà nước được thực hiện trong trường hợp pháp luật quy định sử dụng phương thức thẩm định giá của Nhà nước làm một trong các cơ sở để người có thẩm quyền xem xét quyết định hoặc phê duyệt giá khi bán, thanh lý, cho thuê, liên doanh, liên kết tài sản công hoặc mua, đi thuê hàng hóa, dịch vụ, tài sản có sử dụng vốn nhà nước.”

⁵⁸ “Điều 60. Hội đồng thẩm định giá

1. Hội đồng thẩm định giá do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền hoặc được giao nhiệm vụ bán, cho thuê, liên doanh, liên kết, mua, đi thuê hoặc được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu thành lập.

1. Hội đồng thẩm định giá phải có tối thiểu 03 thành viên là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý, sử dụng của người thành lập Hội đồng; trong trường hợp cần thiết có thể thuê người có chứng nhận chuyên môn quy định tại khoản 2 Điều này làm thành viên Hội đồng thẩm định giá.

2. Hội đồng thẩm định giá phải có ít nhất 50% thành viên bao gồm Chủ tịch Hội đồng có một trong các chứng nhận chuyên môn sau:

a) Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về chuyên ngành giá, thẩm định giá;

b) Thẻ thẩm định viên về giá;

c) Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ về thẩm định giá;

d) Chứng chỉ bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước.

3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng thẩm định giá

a) Hội đồng thẩm định giá làm việc theo nguyên tắc tập thể. Phiên họp thẩm định giá chỉ được tiến hành khi có mặt ít nhất 2/3 số lượng thành viên của Hội đồng thẩm định giá nhà nước trở lên tham dự. Trường hợp Hội đồng thẩm định giá chỉ có 03 thành viên thì phiên họp phải có mặt đủ 03 thành viên. Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá điều hành phiên họp thẩm định giá. Trước khi tiến hành phiên họp thẩm định giá, những thành viên vắng mặt phải có văn bản gửi tới Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá nêu rõ lý do vắng mặt và có ý kiến độc lập của mình về các vấn đề liên quan đến giá của tài sản cần thẩm định.

b) Hội đồng thẩm định giá kết luận về giá của tài sản theo ý kiến đa số đã được biểu quyết và thông qua của thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp. Trong trường hợp có ý kiến ngang nhau thì bên có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định. Thành viên của Hội đồng thẩm định giá có quyền bảo lưu ý kiến của mình nếu không đồng ý với kết luận về giá của tài sản do Hội đồng quyết định; ý kiến bảo lưu đó được ghi vào Biên bản phiên họp thẩm định giá tài sản.

c) Hội đồng thẩm định giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều này chấm dứt hoạt động sau khi hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Quyết định thành lập Hội đồng. Các trường hợp phát sinh sau khi Hội đồng thẩm định giá chấm dứt hoạt động sẽ do cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng chủ trì xử lý.

d) Hội đồng thẩm định giá được sử dụng con dấu của cơ quan quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá tài sản hoặc cơ quan nơi Chủ tịch hội đồng thẩm định giá công tác.

thực thi công vụ. Hoạt động thẩm định giá được thực hiện nhằm cung cấp thêm thông tin cho người có quyền quyết định giá tài sản, do đó, kết quả thẩm định giá không mang tính bắt buộc phải thực hiện mà chỉ là một trong những cơ sở để các bên xem xét, quyết định, phê duyệt giá tài sản. Cơ quan cơ thẩm quyền quyết định giá xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Tiếp thu ý kiến ĐBQH, để bảo đảm cơ sở pháp lý, chặt chẽ, minh bạch, Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo thống nhất chính lý, bổ sung quy định tại Dự thảo Luật và thể hiện cụ thể tại Điều 62 quy định về quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thẩm định giá, Điều 64 quy định về quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thẩm định giá và khoản 1 Điều 65⁵⁹ của Dự thảo Luật mới.

14.4. Có ý kiến đề nghị nên quy định cơ quan chuyên môn về thẩm định giá thuộc cơ quan tài chính hoặc trách nhiệm tham gia của cơ quan tài chính trong Hội đồng thẩm định giá. Có ý kiến cho rằng, Hội đồng thẩm định giá chỉ cần 01 người là thẩm định viên về giá là không hợp lý trong trường hợp giá trị thẩm định giá lớn... hội đồng thẩm định giá Nhà nước thì bắt buộc phân lớn thành viên phải là người có chuyên môn về thẩm định giá, có thể mời thêm một số người khác để tham khảo ý kiến.

Trên cơ sở nghiên cứu ý kiến của ĐBQH và xuất phát từ việc đánh giá thực tiễn thực hiện hoạt động này cho thấy việc thẩm định giá tài sản phải được gắn với trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản để tăng cường trách nhiệm của cá nhân, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản công, mua sắm công. Thực tế hiện các nội dung về nhà nước về giá cũng theo nguyên tắc tăng cường phân công, phân cấp trong tổ chức thực hiện, nhất là đối với các nhiệm vụ cụ thể. Vì vậy, xin được tiếp thu theo hướng bổ sung quy định về quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập Hội đồng thẩm định giá được thuê chuyên gia có chứng nhận về chuyên môn làm thành viên Hội đồng thẩm định giá⁶⁰.

Về tiêu chuẩn số lượng thành viên có chứng chỉ chuyên môn về thẩm định giá tham gia Hội đồng, Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu, sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 60 về tiêu chuẩn thành viên từ “*Hội đồng thẩm định giá phải có tối thiểu 03 thành viên, trong đó phải có thành viên có một trong các chứng nhận chuyên môn sau*” thành “*Hội đồng thẩm định giá phải có ít nhất 50% thành viên bao gồm Chủ tịch Hội đồng có một trong các chứng nhận chuyên môn sau...*”. Đồng thời, để đảm bảo tính khả thi trong tổ chức thực hiện, tại Dự thảo Luật cũng bổ sung hiệu lực thi hành của quy định này sau 18 tháng kể từ ngày Luật sửa đổi có hiệu lực thi hành⁶¹.

⁵⁹ Khoản 1 Điều 64: “Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được sử dụng làm một trong những cơ sở để cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, quyết định giá hoặc phê duyệt giá tài sản theo quy định của pháp luật có liên quan.”

⁶⁰ Khoản 1 Điều 60: “1. Hội đồng thẩm định giá phải có tối thiểu 03 thành viên là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý, sử dụng của người thành lập Hội đồng; trong trường hợp cần thiết có thể thuê người có chứng nhận chuyên môn quy định tại khoản 2 Điều này làm thành viên Hội đồng thẩm định giá.”

⁶¹ Khoản 2 Điều 73: “2. Quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.”

15. Về tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

Có ý kiến đề nghị đánh giá tác động về nguồn lực ngân sách nhà nước đối với việc bố trí ngân sách để đầu tư xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; cũng có ý kiến đề nghị cần phải có nguồn từ ngân sách nhà nước để xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá. Có ý kiến đề nghị làm rõ cơ chế thu, mức thu từ người truy cập vào cơ sở dữ liệu, phương án sử dụng nguồn thu này. Có ý kiến đề nghị cần nhắc không quy định kinh phí hỗ trợ cho hoạt động này vào dự thảo Luật Giá.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Đối với các nội dung đánh giá về chi phí đối với việc xây dựng cơ sở dữ liệu đã được đánh giá cụ thể tại Tờ trình Quốc hội như sau: Các quy định về trách nhiệm triển khai, xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá đã được quy định từ Luật Giá hiện hành⁶²; thực tế hiện nay Bộ Tài chính đã thực hiện xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá (hiện đang hoàn thành giai đoạn 2 và đi vào hoạt động); mặt khác trong giai đoạn vừa qua đã có 40 Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu này để phục vụ công tác quản lý giá trên địa bàn cũng như kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; các địa phương còn lại đều đã xây dựng và có dự toán phục vụ cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương. Do vậy, việc Luật hóa các quy định về cơ sở dữ liệu sẽ không làm phát sinh thêm các chi phí, nguồn nhân lực để bảo đảm thi hành Luật. Việc quy định các vấn đề về kinh phí tại Điều 39 của dự thảo Luật là nhằm đảm bảo các cơ sở pháp lý việc triển khai trong thực tiễn và cũng phù hợp với ý kiến của một số ĐBQH.

Đối với cơ chế thu, mức thu từ người truy cập Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá, hiện nay tại dự thảo Luật đã có quy định về việc định giá đối với “*Sản phẩm, dịch vụ khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin do bộ, ngành quản lý theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân*” và do Bộ, ngành được giao quản lý cơ sở dữ liệu định giá; việc triển khai trong thực tế thuộc khâu tổ chức thực hiện và sẽ do các Bộ, ngành quy định chi tiết, đảm bảo quy định tại Luật giá và các văn bản liên quan.

Đối với hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường thực tế có tính chất một phần là công vụ của các tổ chức, cá nhân trong bộ máy quản lý nhà nước; tuy vậy công tác dự báo với đòi hỏi chuyên môn sâu, quá trình nghiên cứu phức tạp gắn với công tác thu thập, tổng hợp phân tích thông tin chuyên sâu từ nhiều nguồn, thậm chí phải mua để phục vụ nhiệm vụ quản lý, điều hành giá. Do đó cần thiết có kinh phí cho hoạt động này để hỗ trợ các cơ quan trong quá trình tổ chức thực hiện; các quy định này cũng phù hợp với thực tế, tương đồng với một số nội dung như xây dựng văn bản quy phạm pháp luật... Thực tiễn trong và ngoài nước, nhiều cơ quan, tổ chức chuyên về nghiên cứu cũng phải có nguồn lực tài chính phù hợp với có thể triển khai tốt nhiệm vụ này. Về tổng nguồn lực bảo đảm cho công tác thi hành không lớn, không đặt áp lực cho ngân

⁶² Khoản 4 Điều 7 Luật giá 2012: “4. Thu thập, tổng hợp, phân tích và dự báo giá thị trường trong nước và thế giới để xây dựng cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá.”

sách nhà nước và lại có hiệu quả lớn, phục vụ cho việc phát triển kinh tế, ổn định giá cả thị trường.

16. Về kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

Có ý kiến cho rằng, tại Chương 7 cần rà soát bổ sung thêm 1 số nội dung; làm rõ hơn vai trò cơ quan tham gia trong việc kiểm tra, hậu kiểm, giám sát tuân thủ việc thực thi pháp luật, xử phạt khi vi phạm. Cần nhắc bổ sung một điều về xử lý vi phạm pháp luật về giá, chỉnh lý quy định về nguyên tắc kiểm tra.

Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

Trên cơ sở tiếp thu tối đa ý kiến ĐBQH, nhất là các ý kiến tham gia trực tiếp vào Dự thảo, Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo đã thống nhất chỉnh lý tại Chương 7 các nội dung về nguyên tắc kiểm tra, kết quả kiểm tra và trách nhiệm xử lý⁶³ bảo đảm rõ ràng, minh bạch hơn, tạo thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện.

Mặt khác, về nội dung thanh tra chuyên ngành về giá, tại Dự thảo Luật đã trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 4, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ đề trình Quốc hội bỏ nội dung này khỏi Luật để thực hiện thống nhất theo các quy định của Luật Thanh tra 2010. Tuy nhiên, trên cơ sở rà soát các quy định tại Luật Thanh tra vừa được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 4⁶⁴, Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo cho rằng, cần quy định cụ thể nội dung thanh tra chuyên ngành về giá tại Luật Giá vì các lý do (i) nhằm tăng cường công tác hậu kiểm, ngăn ngừa, xử lý kịp thời các sai phạm trong lĩnh vực giá, (ii) để tạo cơ sở pháp lý cho việc thành lập các đơn vị thanh tra chuyên ngành theo đúng quy định của Luật Thanh tra⁶⁵. Do đó, xin được bổ sung lại các quy định về thanh tra chuyên ngành về giá tại nội dung của Chương này; về cơ bản các nội dung về mục tiêu, yêu cầu, nguyên tắc và việc triển khai thanh tra đã được quy định rõ tại Luật Thanh tra nên tại Luật Giá chỉ quy định mang tính nguyên tắc, dẫn chiếu từ Luật Thanh tra và có quy định rõ thêm về thẩm quyền thực hiện thanh tra chuyên ngành để tạo thuận lợi cho việc triển khai.

17. Về quy định về bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số Luật có liên quan (Điều 72); hiệu lực thi hành (Điều 73); quy định chuyển tiếp (Điều 74).

a) Về việc bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số Luật có liên quan: Tại Điều 72 Dự thảo kỳ 5 đã chỉnh lý so với dự thảo kỳ 4 và quy định 14 khoản nhằm bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số Luật có liên quan để tạo sự đồng bộ, thống nhất đối với việc sửa đổi các nội dung về tên hàng hóa, dịch vụ, thẩm quyền, hình thức định giá tại Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

⁶³ Chỉnh lý các Điều 68, Điều 69 và bổ sung thêm Điều 70.

⁶⁴ Khoản 2 Điều 9 Luật Thanh tra số 11/2022/QH15 có quy định về Cơ quan thanh tra theo ngành, lĩnh vực

⁶⁵ Điểm a khoản 2 Điều 18 Luật Thanh tra số 11/2022/QH có quy định: “2. Thanh tra Tổng cục, Cục được thành lập trong các trường hợp sau đây: a) Theo quy định của luật; b) Theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; c) Tại Tổng cục, Cục thuộc Bộ có phạm vi đối tượng quản lý nhà nước chuyên ngành, lĩnh vực lớn, phức tạp, quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của Chính phủ.”

b) Về Hiệu lực thi hành:

Công tác quản lý giá phức tạp, liên quan đến nhiều Bộ, ngành, địa phương, cũng như tác động đến nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau trên phạm vi cả nước; để việc tổ chức triển khai thực hiện có tính khả thi, tại khoản 1 Điều 73 Dự thảo kỳ 5, cơ quan chủ trì soạn thảo xin điều chỉnh thời điểm có hiệu lực thi hành của Luật sửa đổi từ ngày 01 tháng 07 năm 2024.

Đồng thời nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn của Hội đồng thẩm định giá, tại khoản 2 Điều 60 Dự thảo kỳ 5 quy định chặt chẽ hơn về số lượng thành viên có chứng nhận chuyên môn khi thành lập Hội đồng thẩm định giá từ “có thành viên” thành “có ít nhất 50% thành viên”; do đó để đảm bảo tính khả thi trong tổ chức thực hiện, tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động thẩm định giá của Nhà nước có thời gian củng cố và kiện toàn yêu cầu về chuyên môn; tại Dự thảo Luật bổ sung hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đối với quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật này.

c) Về quy định chuyển tiếp:

Tại Điều 72 Dự thảo kỳ 5 tiếp tục củng cố 04 khoản quy định chuyển tiếp quy định tại Dự thảo kỳ 4, trong đó sửa đổi, bổ sung quy định chuyển tiếp đối với Thẻ thẩm định viên về giá được cấp trước khi Luật này có hiệu lực sẽ được công nhận là Thẻ thẩm định viên về giá trong lĩnh vực thẩm định giá doanh nghiệp. Người có Thẻ thẩm định viên về giá trong lĩnh vực thẩm định giá doanh nghiệp được đăng ký hành nghề cả hai lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật này.

Đồng thời tại Dự thảo kỳ 5 cũng bổ sung nội dung chuyển tiếp đối với các Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam, cụ thể tại khoản 4 Điều 72 Dự thảo kỳ 5 quy định: “4. Các Tiêu chuẩn thẩm định giá đã được ban hành theo quy định của Luật giá số 11/2012/QH13 được công nhận là Chuẩn mực thẩm định giá theo quy định tại Điều 42 Luật này và tiếp tục được áp dụng cho đến khi có Chuẩn mực thẩm định giá thay thế được ban hành hoặc tối đa cho đến ngày 01 tháng 07 năm 2025”. Các Tiêu chuẩn thẩm định giá là những quy định mang tính chuyên môn, nghiệp vụ của hoạt động thẩm định giá và không bị thay đổi bởi các chính sách mới tại Luật sửa đổi nên vẫn có thể được áp dụng trong thực tiễn công tác thẩm định giá; trong thời gian qua, các tiêu chuẩn thẩm định giá cũng thường xuyên được cập nhật, sửa đổi, bổ sung phù hợp với yêu cầu của hoạt động thẩm định giá tại Việt Nam, cũng như phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế. Do đó, cùng với việc điều chỉnh tên gọi “Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam” thành “Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam” tại Điều 42 Dự thảo kỳ 5, thì các Tiêu chuẩn ban hành trước khi Luật này có hiệu lực sẽ tiếp tục áp dụng đến khi được thay thế mới.

18. Về một số nội dung khác

Trên cơ sở ý kiến các vị ĐBQH, Thường trực Ủy ban TCNS đã nghiêm túc tiếp thu tối đa, giải trình đầy đủ và thể hiện hợp lý các ý kiến của ĐBQH vào Dự thảo Luật trình UBTVQH và sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Cơ quan soạn

thảo, Ủy ban Pháp luật và các cơ quan liên quan để tiếp tục hoàn thiện trước khi trình Quốc hội xem xét, thông qua.

Trên đây là dự thảo Báo cáo Phương án giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo Luật, một số vấn đề lớn và nội dung còn ý kiến khác nhau về Dự án Luật Giá (sửa đổi). Trân trọng báo cáo các vị đại biểu Quốc hội.

Nơi nhận

- Như trên;
- TT. UBTCNS;
- Lưu: HC, TCNS ;
- e-Pas:

**TM. ỦY BAN TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH
CHỦ NHIỆM**

Nguyễn Phú Cường